

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

TÌM HIỂU QUY TRÌNH VẬN HÀNH
THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

Ngành: ĐIỆN TƯ ĐÔNG CÔNG NGHIỆP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

TÌM HIỂU QUY TRÌNH VẬN HÀNH
THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

Ngành: ĐIỆN TỰ ĐỘNG CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

-----o0o-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Tuấn Anh

Mã sinh viên: 1013102002

Lớp: ĐCL401

Ngành: Điện tự động công nghiệp

Tên đề tài: Tìm hiểu quy trình vận hành thiết bị điện trong nhà máy nhiệt điện.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất :

Họ và tên : Đỗ Thị Hồng Lý

Học hàm, học vị : Thạc Sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn : Toàn bộ đề tài

Người hướng dẫn thứ hai :

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác :

Nội dung hướng dẫn :

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ: Đ.T.T.N

Cán bộ hướng dẫn Đ.T.T.N

Sinh viên

Nguyễn Tuấn Anh

Đã nhận nhiệm vụ: Đ.T.T.N

Th.S Đỗ Thị Hồng Lý

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2012

HIỆU TƯỢNG

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của Đ.T.T.N (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N, trên các mặt lý luận thực tiễn, tính toán giá trị sử dụng chất lượng các bản vẽ...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn chính

(Họ tên và chữ ký)

**NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI CHĂM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI
TỐT NGHIỆP**

1. Đánh giá chất lượng của Đ.T.T.N về các mặt thu thập và phân tích số liệu ban đầu, cơ sở lý luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh các bản vẽ giá trị lý luận và thực tiễn đề tài:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Cho điểm của cán bộ chấm phản biện:

(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày tháng năm 2012

Người chấm phản biện

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG LƯỚI ĐIỆN CỦA VIỆT NAM ..	2
1.1. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1.2. CÁC LOẠI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN	7
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN CHÍNH TRONG	
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN	8
2.1. MÁY PHÁT ĐIỆN ĐỒNG BỘ	8
2.1.1. Khái niệm chung	8
2.1.2. Hệ thống làm mát	9
2.1.3. Hệ thống kích từ	10
2.1.4. Thiết bị diệt từ	11
2.2. MÁY BIẾN ÁP	12
2.2.1. Phân loại và tham số của MBA	12
2.2.2. Tổ nối dây của MBA	13
2.2.3. Làm mát MBA	14
2.2.4. Khả năng tải và quá tải của MBA	16
2.3. KHÍ CỤ ĐIỆN	17
2.3.1. Khái niệm chung	17
2.3.2. Máy cắt điện cao áp	17
2.3.3. Dao cách ly	21
2.3.4. Cầu chì	22
2.3.5. Kháng điện	25
2.3.6. Biến áp đo lường	25
2.3.7. Khí cụ điện hạ áp	29
2.3.7.1. Cầu dao	29
2.3.7.2. Áp tô mát	30
2.3.8. Công tắc tơ	31

2.3.9. Khởi động từ	31
CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH VẬN HÀNH AN TOÀN CÁC THIẾT BỊ	
ĐIỆN TRONG NHÀ MÁY	32
3.1. MÁY PHÁT ĐIỆN VÀ MÁY BÙ ĐỒNG BỘ	32
3.2. ĐỘNG CƠ ĐIỆN	35
3.3. MÁY BIẾN ÁP, MÁY BIẾN ÁP TỰ NGÃU VÀ CUỘN ĐIỆN KHÁNG CÓ DẦU	35
3.4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ĐIỆN (HPĐ)	39
3.5. HỆ THỐNG ÁC QUY	42
3.6. ĐƯỜNG DÂY DẪN ĐIỆN TRÊN KHÔNG (ĐDK)	43
3.7. ĐƯỜNG CÁP ĐIỆN LỰC	47
3.8. BẢO VỆ RƠ LE VÀ TỰ ĐỘNG ĐIỆN (BRT)	51
3.9. TRANG BỊ NỐI ĐẤT	53
3.10. BẢO VỆ CHỐNG QUÁ ĐIỆN ÁP	54
3.11. TRANG BỊ ĐO LƯỜNG ĐIỆN	59
3.12. CHIẾU SÁNG	60
3.13. TRẠM ĐIỆN PHÂN	60
3.14. DẦU NĂNG LƯỢNG	62
3.15. CHỈ HUY ĐIỀU ĐỘ - THAO TÁC	62
3.16. THAO TÁC ĐÓNG CẮT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN	65
KẾT LUẬN	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

LỜI MỞ ĐẦU

Điện năng là một dạng năng lượng đặc biệt, nó có thể chuyển hoá dễ dàng thành các dạng năng lượng khác như: nhiệt năng, cơ năng, hoá năng. Mặt khác điện năng lại có thể dễ dàng truyền tải, phân phối đi xa.. Điện có mặt trong tất cả các lĩnh vực kinh tế cũng như trong sinh hoạt đời thường. Đặc biệt là trong các ngành công nghiệp và dịch vụ thì càng không thể thiếu được.

Đặc biệt trong những năm gần đây do chính sách mở cửa của nhà nước, vốn nước ngoài vào nước ta ngày càng tăng do đó nhiều các nhà máy xí nghiệp, các khu công nghiệp càng cần có một hệ thống cung cấp điện an toàn, tin cậy để sản xuất và sinh hoạt. Để thực hiện được điều này cần phải có một đội ngũ cán bộ, kỹ sư điện để đưa những công nghệ mới, hiện đại vào thiết kế, áp dụng vào trong các ngành công nghiệp cũng như trong cuộc sống theo chủ trương của nhà nước ta đó là đi trước đón đầu .

Qua thời gian học tập em được giao đề tài tốt nghiệp "**Tìm hiểu quy trình vận hành thiết bị điện trong nhà máy nhiệt điện**" do cô giáo Thạc Sĩ. Đỗ Thị Hồng Lý hướng dẫn. Đồ án gồm các chương sau:

Chương 1: Giới thiệu chung về lưới điện của Việt Nam.

Chương 2: Giới thiệu các thiết bị điện chính trong nhà máy nhiệt điện.

Chương 3: Quy trình vận hành an toàn thiết bị điện trong nhà máy.

CHƯƠNG 1.

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ LƯỚI ĐIỆN CỦA VIỆT NAM

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Để sản xuất điện năng ta phải sử dụng các nguồn năng lượng thiên nhiên. Tùy theo loại năng lượng người ta chia ra các loại nhà máy điện chính như: nhà máy nhiệt điện (NND), nhà máy thủy điện (NTĐ) và nhà máy điện nguyên tử (NNT)... Hiện nay phổ biến nhất là nhà máy nhiệt điện, ở đó nhiệt năng thoát ra khi đốt các nhiên liệu hữu cơ (than, dầu, khí ...) được biến đổi thành điện năng. Nhà máy nhiệt điện sản xuất ra khoảng 70% điện năng của thế giới. Ngày nay nhu cầu nhiên liệu lỏng trong công nghiệp, giao thông vận tải và sinh hoạt ngày càng tăng. Do đó người ta đã hạn chế dùng nhiên liệu lỏng cho nhà máy nhiệt điện. Nhiên liệu rắn và khí trở thành những nhiên liệu hữu cơ chính của nhà máy nhiệt điện.

Tại Việt Nam: về cơ cấu tiêu thụ điện, công nghiệp tiếp tục là ngành chiếm tỉ trọng tiêu thụ điện năng nhiều nhất với tốc độ tăng từ 47.4% lên đến 52% tổng sản lượng tiêu thụ điện tương ứng trong năm 2006 và 2010. Tiêu thụ điện hộ gia đình chiếm tỉ trọng lớn thứ hai nhưng có xu hướng giảm nhẹ do tốc độ công nghiệp hoá nhanh của Việt Nam, từ 42.9% năm 2006 thành 38.2% năm 2010. Phần còn lại dịch vụ, nông nghiệp và các ngành khác chiếm khoảng 10% tổng sản lượng tiêu thụ điện năng.

Bảng 1.1: Tiêu thụ điện theo ngành trong khoảng thời gian 2006 ÷ 2010

STT	Danh mục	2005 (%)	2006 (%)	2007 (%)	2008 (%)	2009 (%)
1	Nông nghiệp	1.3	1.1	1.0	1.0	0.9
2	Công nghiệp	45.8	47.4	50	50.7	50.6
3	Dịch vụ (Thương mại, khách sạn và nhà hàng)	4.9	4.8	4.8	4.8	4.6
4	Quản lý và tiêu dung dân cư	43.9	42.9	40.6	40.1	40.1
5	Khác	4.1	3.8	3.7	3.5	3.7

Tốc độ tăng của tiêu thụ điện vượt xa tốc độ tăng trưởng GDP trong cùng kỳ. Ví dụ trong thời gian 1995÷2005 tốc độ tăng tiêu thụ điện hàng năm là hơn 14.9% trong khi tốc độ tăng trưởng GDP chỉ là 7.2%. Tốc độ tăng tiêu thụ điện cao nhất thuộc về ngành công nghiệp (16.1%) và sau đó là hộ gia đình (14%). Trong tương lai, theo Quy hoạch phát triển điện quốc gia (Quy hoạch điện VII), nhu cầu điện của Việt Nam tiếp tục tăng từ 14÷16%/năm trong thời kỳ 2011÷2015 và sau đó giảm dần xuống 11.15%/năm trong thời kỳ 2016÷2020 và 7.4-8.4%/năm cho giai đoạn 2021÷2030.

Để có thể đáp ứng được nhu cầu điện năng, Chính phủ Việt Nam đã đề ra mục tiêu cụ thể về sản xuất và nhập khẩu cho ngành điện. Trong giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030 các mục tiêu bao gồm:

- * Sản xuất và nhập khẩu tổng cộng 194-210 tỉ kWh đến năm 2015, 330-362 tỉ kWh năm 2020, và 695-834 tỉ kWh năm 2030;

- * Ưu tiên sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo bằng cách tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 3.5% năm 2010 lên 4.5% tổng điện năng sản xuất vào năm 2020 và 6% vào năm 2030;

- * Giảm hệ số đàn hồi điện/GDP từ bình quân 2.0 hiện nay xuống còn bằng 1.5 năm 2015 và 1.0 năm 2020;

- * Đẩy nhanh chương trình điện khí hoá nông thôn miền núi đảm bảo đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện;

Các chiến lược được áp dụng để đạt các mục tiêu nói trên cũng đã được đề ra bao gồm:

- * Đa dạng hoá các nguồn sản xuất điện nội địa bao gồm các nguồn điện truyền thống (như than và ga) và các nguồn mới (như năng lượng tái tạo và điện nguyên tử);

- * Phát triển cân đối công suất nguồn trên từng miền: Bắc Trung và Nam, đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện trên từng hệ thống điện miền nhằm

giảm tổn thất truyền tải, chia sẻ công suất nguồn dự trữ và khai thác hiệu quả các nhà máy thủy điện trong các mùa.

* Phát triển nguồn điện mới đi đôi với đổi mới công nghệ các nhà máy đang vận hành.

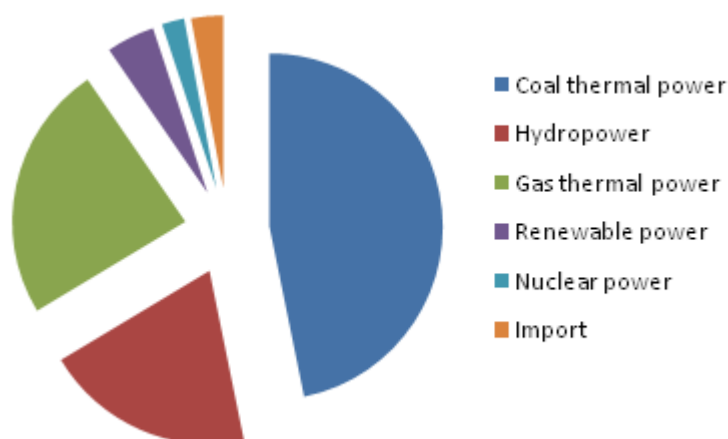
* Đa dạng hoá các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh nâng cao hiệu quả kinh tế.

Cơ cấu các nguồn điện cho giai đoạn 2010÷2020 tầm nhìn 2030 đã được đề ra trong (Quy hoạch điện VII) và được tóm tắt ở bảng bên dưới. Nguồn điện quan trọng nhất vẫn là than và nhiệt điện. Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo chiếm tỉ trọng tương đối cao vào giai đoạn 2010÷2020 và sẽ dần trở nên tương đối quan trọng trong giai đoạn 2020÷2030. Thủy điện vẫn duy trì thị phần không đổi trong giai đoạn 2010÷2020 và 2020÷2030 vì thủy điện gần như đã được khai thác hết trên toàn quốc.

Bảng 1.2: Cơ cấu nguồn điện theo công suất và sản lượng giai đoạn 2010÷2020 tầm nhìn 2030

STT	Nguồn điện	2020			2030		
		Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)	Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)
1	Nhiệt điện than	36,000	48.0	46.8	75,000	51.6	56.4
2	Nhà máy nhiệt điện tua bin khí	10,400	13.9	20.0	11,300	7.7	10.5
3	Nhà máy nhiệt điện chạy tua bin khí LNG	2,000	2.6	4.0	6,000	4.1	3.9
4	Nhà máy thủy điện	17,400	23.1	19.6	N/A	11.8	9.3
5	Nhà máy thủy điện tích năng	1,800	2.4		5,700	3.8	
6	Nhà máy điện sinh khối	500	5.6		4.5	2,000	
7	Nhà máy điện gió	1,000			6,200		
8	Nhà máy điện nguyên tử	N/A	N/A	2.1	10,700	6.6	10.1
9	Nhập khẩu	2,200	3.1	3.0	7,000	4.9	3.8
	Total	75,000	100	100	146,800	100	100

Cụ thể là vào năm 2020, cơ cấu các nguồn điện liên quan đến sản lượng là 46.8% cho nhiệt điện than, 19.6% cho thủy điện và thủy điện tích năng, 24% cho nhiệt điện chạy khí và khí LNG, 4.5% cho Năng lượng tái tạo, 2.1% cho năng lượng nguyên tử và 3.0% từ nhập khẩu từ các quốc gia khác.



Hình 1.1: Cơ cấu nguồn điện cho đến năm 2020

Thị trường điện cho đến năm 2010 thị trường Điện tại Việt nam vẫn ở dạng độc quyền với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), một công ty nhà nước, nắm giữ hơn 71% tổng lượng điện sản xuất, nắm toàn bộ khâu truyền tải, vận hành hệ thống điện, phân phối và kinh doanh bán lẻ điện.

Để có thể huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện Chính phủ Việt Nam đã thông qua cách tiếp cận giá điện vận hành theo cơ chế theo thị trường và theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường với danh mục đầu tư khác nhau cho các nguồn điện khác nhau.

Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển thị trường điện cạnh tranh nhằm nâng cao việc sử dụng hiệu quả nguồn cung điện trong bối cảnh nền kinh tế thị trường. Theo bản Dự thảo chi tiết phát triển thị trường Điện cạnh tranh, ngành điện sẽ phát triển qua ba giai đoạn:

* Thị trường phát điện cạnh tranh (2005÷2014): các công ty sản xuất điện có thể chào bán điện cho người mua duy nhất.

* Thị trường bán buôn điện (2015÷2022): các công ty bán buôn điện có thể cạnh tranh để mua điện trước khi bán cho công ty phân phối điện.

* Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh từ năm 2022 trở đi: người mua điện có thể lựa chọn cho mình nhà cung cấp.

Giá điện của Việt nam năm 2010 là VND1,058 - 1,060/kWh (~ 5.3 US cents/kWh). Năm 2011 khi tỉ giá hối đoái tăng cao, giá điện trên chỉ còn tương đương với 4 US cents/kWh. Theo Chính phủ, giá điện sẽ được điều chỉnh hằng năm theo Quy định số 21 nhưng Chính phủ cũng sẽ xem xét thời điểm tăng thích hợp để đảm bảo ảnh hưởng ít nhất đến tình hình kinh tế xã hội nói chung và tình hình sản xuất của bà con nhân dân nói riêng.

Lưới điện quốc gia đang được vận hành với các cấp điện áp cao áp 500kV, 220kV và 110kV và các cấp điện áp trung áp 35kV và 6kV. Toàn bộ đường dây truyền tải 500KV và 220KV được quản lý bởi Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia, phần lưới điện phân phối ở cấp điện áp 110kV và lưới điện trung áp ở các cấp điện áp từ 6kV đến 35kV do các công ty điện lực miền quản lý.

Để có thể đảm bảo nhu cầu về điện của quốc gia trong tương lai, Việt Nam có kế hoạch phát triển lưới quốc gia đồng thời cùng với phát triển các nhà máy điện nhằm đạt được hiệu quả tổng hợp của đầu tư, đáp ứng được kế hoạch cung cấp điện cho các tỉnh, nâng cao độ tin cậy của hệ thống cung cấp điện và khai thác hiệu quả các nguồn điện đã phát triển, hỗ trợ chương trình điện khí hoá nông thôn và thiết thực chuẩn bị cho sự phát triển hệ thống điện trong tương lai .

Bảng 1.3: Số lượng đường dây và các trạm điện được bổ sung vào lưới điện quốc gia cho giai đoạn 2010-2030

Hạng mục	Đơn vị	2009	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
Trạm 500kV	MVA	7,500	17,100	24,400	24,400	20,400
Trạm 220kV	MVA	19,094	35,863	39,063	42,775	53,250
Đường dây 500kV	Km	3,438	3,833	4,539	2,234	2,724
Đường dây 220kV	Km	8,497	10,637	5,305	5,552	5,020

1.2. CÁC LOẠI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

Nhà máy nhiệt điện đốt bằng nhiên liệu hữu cơ có thể chia ra các loại sau:

Theo loại nhiên liệu sử dụng:

- Nhà máy điện đốt nhiên liệu rắn.
- Nhà máy điện đốt nhiên liệu lỏng.
- Nhà máy điện đốt nhiên liệu khí.
- Nhà máy điện đốt nhiên liệu 2 hoặc 3 loại trên

Theo loại tuabin quay máy phát:

- Nhà máy điện tuabin hơi.
- Nhà máy điện tuabin khí.
- Nhà máy điện tuabin khí – hơi.

Theo dạng năng lượng cấp đi:

- Nhà máy điện ngưng hơi: chỉ cung cấp điện
- Trung tâm nhiệt điện: cung cấp điện và nhiệt

Theo kết cấu công nghệ:

- Nhà máy điện khối.
- Nhà máy điện không khối.

Theo tính chất mang tải:

- Nhà máy điện phụ tải gốc, có số giờ sử dụng công suất đặt hơn 5000 giờ.
- Nhà máy điện phụ tải giữa, có số giờ sử dụng công suất đặt khoảng 3000 đến 4000 giờ.
- Nhà máy điện phụ tải đỉnh, có số giờ sử dụng công suất đặt ít hơn 1500 giờ.

CHƯƠNG 2.

GIỚI THIỆU CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN CHÍNH

TRONG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

2.1. MÁY PHÁT ĐIỆN ĐỒNG BỘ

2.1.1. Khái niệm chung.

Thiết bị điện chiếm vị trí quan trọng nhất trong các NMD là máy phát điện (MPĐ). Cho đến nay các MPĐ dùng trong NMD chủ yếu vẫn là các MPĐ đồng bộ 3 pha. Chúng có công suất từ vài kW đến hàng nghìn MW, điện áp định mức từ 380V đến 25kV. Xu hướng hiện nay là chế tạo các MPĐ với công suất định mức ngày càng lớn. Trong những HTĐ tương đối lớn (với dự trữ công suất từ 100MW trở lên) các MPĐ thường có công suất định mức lớn hơn 100MW.

Khi làm việc trong NMD, các MPĐ không thể tách rời các thiết bị phụ (như hệ thống làm mát, hệ thống bôi trơn, hệ thống kích từ...), bởi vì chính hệ thống các thiết bị phụ này quyết định khả năng làm việc của MPĐ và, do đó, cũng đòi hỏi độ tin cậy cao. Ngoài ra, đặc điểm và các thông số của MPĐ phải phù hợp với điều kiện cụ thể của HTĐ mà NMD đang tham gia vận hành. Trước hết cần xét một vài đặc điểm phân biệt các loại MPĐ trong NMD và các thông số của chúng.

Máy phát điện tuabin hơi: các máy phát điện tuabin hơi được tính toán chế tạo với tốc độ quay lớn, roto cực ắn dạng hình trụ dài, trục quay được bố trí nằm ngang.

Cần lựa chọn tốc độ quay lớn cho các máy phát điện tuabin hơi vì khi làm việc tốc độ lớn các tuabin hơi có hiệu suất cao, kích thước có thể giảm đi đáng kể. Tương ứng với tần số 50Hz, các MPĐ tua bin hơi có một đôi cực và tốc độ quay định mức là 3000vg/ph. Một đầu trục roto của MPĐ được nối trực tiếp với trục của tuabin hơi (thường nối cứng), đầu còn lại nối với roto

của máy kích thích (nếu có). Các ổ đỡ của MPĐ tuabin hơi là các ổ trượt được bôi trơn bằng dầu áp lực cao cùng hệ thống dầu bôi trơn với tuabin.

Do có công suất lớn, roto và stato của các MPĐ trong NMD được chọn loại vật liệu và kết cấu sao cho có độ từ dẫn lớn, độ bền cơ học cao và giảm được tổn hao dòng điện xoáy. Để làm lạnh MPĐ khi làm việc, trong lõi thép và dây dẫn người ta bố trí các khe hở hoặc ống dẫn để cho chất lỏng hoặc chất khí làm lạnh chảy qua. Vì roto của các MPĐ tuabin hơi quay nhanh nên đường kính phải nhỏ, kết cấu cực rắn để đảm bảo độ bền cơ học cao.

2.1.2. Hệ thống làm mát.

Làm mát MPĐ khi vận hành có ảnh hưởng đến quyết định giới hạn công suất làm việc của nó, thậm chí quyết định cả giới hạn tuyệt đối về công suất (giới hạn công suất chế tạo) của máy. Thật vậy, công suất định mức của máy phát xác định bởi nhiệt độ nóng cho phép lâu dài của cách điện.

Nhiệt độ trong máy khi làm việc lại phụ thuộc vào tổn thất công suất trong các bộ phận của máy (dây dẫn, lõi thép) và khả năng tản nhiệt từ máy ra môi trường ngoài, mà hệ thống làm mát đóng vai trò quyết định. Với phương thức làm mát đã chọn, để tăng công suất định mức của máy chỉ có một cách là tăng kích thước của dây dẫn và lõi thép (để giảm điện trở và từ trở), nghĩa là tăng kích thước của máy.

Tuy nhiên với độ bền cơ học của các vật liệu hiện tại, đường kính cực đại của roto MPĐ tuabin hơi chỉ có thể từ (1,2 - 1,3)m. Quá giới hạn này roto có thể bị vỡ ra bởi lực ly tâm. Chiều dài của roto cũng bị giới hạn bởi ứng suất uốn và độ cong trục (không được vượt quá (5,5 - 6,5) lần đường kính. Vì vậy công suất của MPĐ chỉ có thể tăng lên hơn nữa bằng cách tăng cường làm mát.

Có hai loại hệ thống làm mát: Hệ thống làm mát gián tiếp và hệ thống làm mát trực tiếp.

2.1.3. Hệ thống kích từ

Hệ thống kích từ có nhiệm vụ cung cấp dòng điện một chiều cho các cuộn dây kích thích của MPĐ đồng bộ. Nó phải có khả năng điều chỉnh bằng tay hoặc tự động dòng kích từ để đảm bảo chế độ làm việc ổn định, kinh tế với chất lượng điện năng cao trong mọi tình huống.

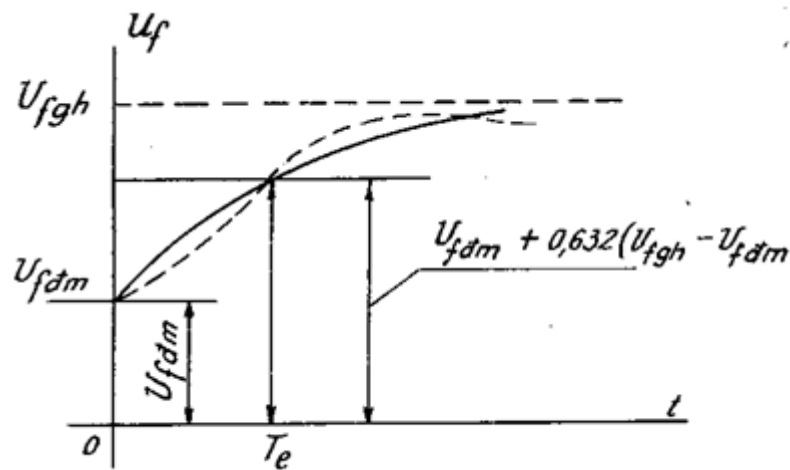
Trong chế độ làm việc bình thường điều chỉnh dòng kích từ sẽ điều chỉnh được điện áp đầu cực máy phát, thay đổi lượng công suất phản kháng phát vào lưới. Thiết bị tự động điều chỉnh kích từ (TĐK) làm việc nhằm giữ điện áp không đổi (với độ chính xác nào đó) khi phụ tải biến động. Ngoài ra TĐK còn nhằm các mục đích nâng cao giới hạn công suất truyền tải từ MPĐ vào hệ thống, đặc biệt khi nhà máy nối với hệ thống qua đường dây dài, đảm bảo ổn định tĩnh, nâng cao tính ổn định động.

Trong chế độ sự cố (ngắn mạch trong lưới...) chỉ có bộ phận kích thích cưỡng bức làm việc chủ yếu, nó cho phép duy trì điện áp của lưới, giữ ổn định cho hệ thống. Hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ trên phụ thuộc vào đặc trưng và thông số của hệ thống kích từ cũng như kết cấu của bộ phận TĐK.

Để cung cấp một cách tin cậy dòng điện một chiều cho cuộn dây kích từ của MPĐ đồng bộ, cần phải có hệ thống kích từ thích hợp với công suất định mức đủ lớn. Thông thường đòi hỏi công suất định mức của hệ thống kích từ bằng (0,2-0,6)% công suất định mức MPĐ.

Việc tạo ra các hệ thống kích từ có công suất lớn như vậy thường gặp khó khăn. Đó là vì công suất chế tạo các MPĐ một chiều bị hạn chế bởi điều kiện làm việc của bộ phận đổi chiều. Khi công suất lớn bộ phận này làm việc kém tin cậy và mau hỏng do tia lửa phát sinh. Với các MPĐ công suất lớn, người ta phải áp dụng các hệ thống kích từ dùng MPĐ xoay chiều và chỉnh lưu. Ngoài công suất định mức và điện áp định mức, hệ thống kích từ còn được đặc trưng bằng 2 thông số quan trọng khác là điện áp kích từ giới hạn U_{fgh} và hằng số thời gian T_e .

Điện áp kích từ giới hạn là điện áp kích từ lớn nhất có thể tạo ra được của hệ thống kích từ. Điện áp này càng lớn thì phạm vi điều chỉnh dòng kích từ càng rộng và càng có khả năng điều chỉnh nhanh. Đối với MPĐ tuabin hơi thường có $U_{fgh} \geq 2U_{fdm}$. Trong nhiều trường hợp, để đáp ứng yêu cầu đảm bảo ổn định hệ thống người ta chế tạo $U_{fgh} = (3-4)U_{fdm}$. Tuy nhiên U_{fgh} càng lớn đòi hỏi hệ thống kích từ phải có khả năng cách điện cao. Hằng số thời gian T_e đặc trưng cho tốc độ thay đổi dòng kích từ, nó xác định bởi quán tính điện từ của các cuộn dây điện cảm. T_e có trị số càng nhỏ thì tốc độ điều chỉnh kích từ càng nhanh.



Hình 2.5: Biến thiên điện áp kích từ cưỡng bức.

Tốc độ tăng điện áp kích thích càng nhanh khi U_{fgh} càng lớn, còn hằng số thời gian T_e càng nhỏ. Các tham số này phụ thuộc vào kết cấu và nguyên lý làm việc của hệ thống kích từ cụ thể.

Có thể chia hệ thống kích từ làm ba nhóm chính:

- Hệ thống kích từ dùng MPĐ một chiều;
- Hệ thống kích từ dùng MPĐ xoay chiều chỉnh lưu;
- Hệ thống kích từ dùng chỉnh lưu có điều khiển.

2.1.4. Thiết bị diệt từ

Khi MPĐ hoặc máy bù đồng bộ bị cắt đột ngột cần phải nhanh chóng làm mất từ trường các cuộn kích thích của chúng để đảm bảo an toàn cho

máy. Việc làm mất từ trường trong máy không thể thực hiện bằng cách cắt đơn giản mạch điện roto. Đó là vì cuộn dây kích từ của máy đồng bộ có điện cảm rất lớn, cắt mạch đột ngột sẽ gây ra quá điện áp nguy hiểm cho cuộn dây roto và phá hủy tiếp điểm đóng cắt do tia lửa. Vì vậy cần có thiết bị diệt từ riêng để tiêu tán năng lượng từ trường trong máy.

Quá trình diệt từ được coi là kết thúc nếu làm giảm được biên độ sức điện động đến giá trị số 500V. Từ lúc đó trở đi tia lửa chỗ cắt mạch sẽ có thể dập tắt tự nhiên không gây ra nguy hiểm gì. Thời gian để giảm trị số sức điện động của máy xuống đến trị số này được gọi là thời gian diệt từ.

Các yêu cầu đề ra đối với thiết bị diệt từ là:

- Thời gian diệt từ ngắn;
- Điện áp xuất hiện trong mạch roto thấp hơn điện áp cho phép, xác định bởi độ bền cách điện. Điện áp này thường được lấy bằng nửa biên độ điện áp thử nghiệm chọc thủng cách điện:

$$U_{cf} = 0,5 \cdot \sqrt{2} U_{tn} \approx 0,7 U_{tn}$$

Thông thường $U_{cf} = (1000-2500)V$.

2.2. MÁY BIẾN ÁP (MBA)

2.2.1. Phân loại và tham số của MBA

Trong hệ thống điện người ta dùng các MBA tăng và giảm áp, hai cuộn dây và ba cuộn dây, MBA ba pha và tổ ba tổ máy một pha.

Các MBA ba pha hai và ba cuộn dây được sử dụng rộng rãi trong hệ thống điện. MBA ba cuộn dây dùng khi cần có hai cấp điện áp ra. Đặt MBA ba cuộn dây thay cho MBA hai cuộn dây sẽ tiết kiệm được diện tích đặt, vật liệu và vốn đầu tư, đồng thời giảm được tổn hao năng lượng khi vận hành. MBA hai cuộn dây chỉ nên đặt khi trong tương lai không có phụ tải ở cấp điện áp thứ hai hoặc phụ tải của cấp này nhỏ hơn (10-15)% công suất của MBA.

Công suất định mức của MBA là công suất liên tục đi qua MBA trong suốt thời hạn phục vụ của nó ứng với các điều kiện tiêu chuẩn: điện áp định mức, tần số định mức và nhiệt độ môi trường làm mát định mức.

Công suất của MBA và MBA tự ngẫu một pha bằng 1/8 công suất của MBA và MBA tự ngẫu ba pha tương ứng.

Điện áp định mức của cuộn dây sơ cấp MBA là điện áp giữa các pha của nó khi cuộn dây thứ cấp hở mạch và có điện áp bằng điện áp định mức thứ cấp. Điện áp định mức của cuộn dây thứ cấp MBA là điện áp giữa các pha của nó khi không tải mà điện áp trên cực cuộn dây sơ cấp bằng điện áp định mức sơ cấp.

Dòng định mức của cuộn dây sơ cấp và thứ cấp MBA được xác định theo công suất và điện áp định mức phù hợp với các cuộn dây của nó. Điện áp ngắn mạch U_N đặc trưng cho tổng trở toàn phần Z của MBA. Trị số điện áp ngắn mạch U_N phụ thuộc vào công suất và điện áp định mức của MBA và thay đổi trong phạm vi rộng từ (4,5-5,5)% đối với MBA công suất nhỏ, điện áp (10-35)kV, đến (12-14)% đối với MBA công suất lớn, điện áp (220-500)kV.

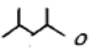
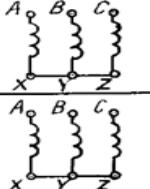
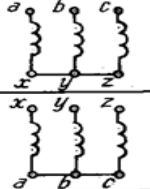
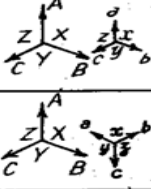
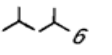
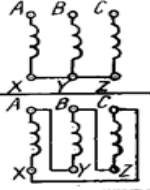
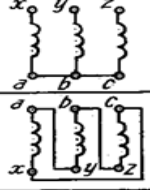
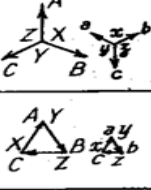
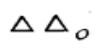
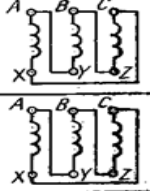
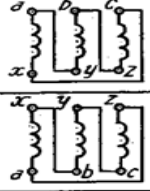
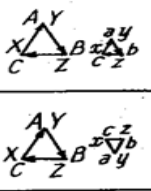
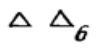
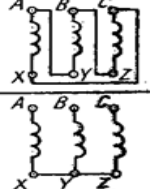
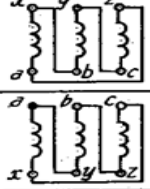
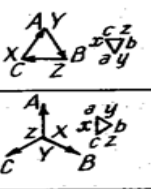
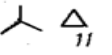
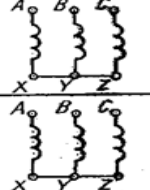
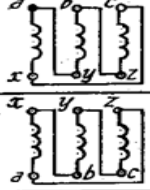
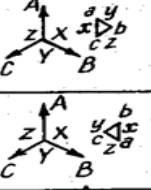
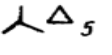
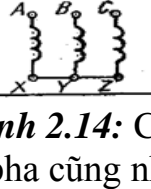
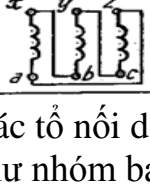
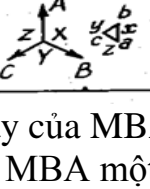
Dòng không tải I_{kt} cũng là đại lượng đặc trưng quan trọng của MBA, vì đại lượng này có thể tính được công suất phản kháng tiêu thụ mạch từ hóa ΔQ_{Fe} . Thường trị số của dòng không tải cho bằng phần trăm dòng định mức của MBA. Trị số tương đối của nó giảm khi công suất và điện áp định mức của MBA tăng: đối với MBA (10-35)kV, $I_{kt} = (2,0-2,5)\%$; đối với MBA (220-500)kV, $I_{kt} = (0,5-0,3)\%$.

2.2.2. Tổ nối dây của MBA

Tổ nối dây của MBA được hình thành do sự phối hợp kiểu nối dây sơ cấp với kiểu nối dây thứ cấp. Nó biểu thị góc lệch pha giữa các sức điện động của cuộn dây sơ cấp và thứ cấp của MBA. Góc lệch pha phụ thuộc:

- Chiều quấn dây;

- Cách ký hiệu các đầu dây;
- Kiểu nối dây của cuộn sơ cấp và thứ cấp.

Tổ nối dây	Sơ đồ cuộn dây cao áp	Sơ đồ cuộn dây hạ áp	Biểu đồ véc tơ	Nhóm nối dây khác
 0				4 ; 8
 6				10 ; 2
 0				4 ; 8
 6				10 ; 2
 11				3 ; 7
 5				9 ; 1

Hình 2.14: Các tổ nối dây của MBA.

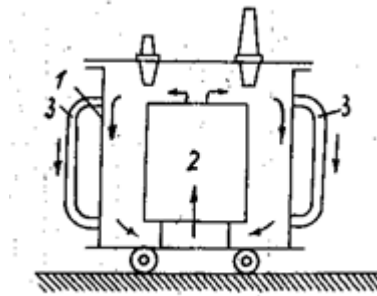
Trong MBA ba pha cũng như nhóm ba MBA một pha thường cuộn dây điện áp thấp nối tam giác để bù song điều hòa bậc ba của dòng từ hóa. Cuộn dây cao áp và trung áp nối hình sao. Do cuộn hạ áp nối tam giác nên tiết diện dây dẫn nhỏ đi rất nhiều, vì khi có dòng trong các pha giảm đi $\sqrt{3}$ lần so với dòng dây. Cuộn dây cao và trung áp nối hình sao nên số vòng dây giảm đi $\sqrt{3}$ lần, do đó không những tiết kiệm được đồng mà còn tiết kiệm được cả cách điện.

2.2.3. Làm mát MBA

Khi MBA làm việc, tổn hao năng lượng trong mạch từ và trong các cuộn dây biến thành nhiệt năng đốt nóng các phần tử của chúng. Cần hạn chế sự phát nóng của MBA để đảm bảo độ bền cách điện và thời hạn phục vụ chúng. Do xuất hiện vấn đề làm mát MBA để giữ nhiệt độ của nó nằm trong giới hạn cho phép. Phần lớn các MBA được làm mát bằng dầu cách điện tuần hoàn do đối lưu tự nhiên bên trong thùng (thùng có vỏ trơn, có gợn sóng, có ống dẫn hoặc có những bộ tản nhiệt)

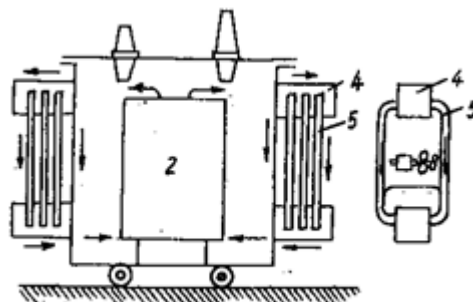
Hệ thống làm mát bằng dầu tự nhiên như vậy hiệu quả thấp. Thùng có bề mặt trơn chỉ thích hợp cho những MBA công suất bé (đối với MBA do Liên Xô chế tạo công suất định mức đến 25kVA). Khi bề mặt làm mát có dạng ống tản nhiệt thì công suất định mức của MBA có thể chế tạo đến 1,6MVA (của Liên Xô).

Công suất giới hạn của MBA được làm mát kiểu này có thể đạt 10-16MVA nếu tăng cường những bộ tản nhiệt có cấu trúc phức tạp. Loại MBA làm mát kiểu M là loại cơ bản và thường được dùng làm chuẩn đánh giá công suất và giá thành những loại MBA khác.

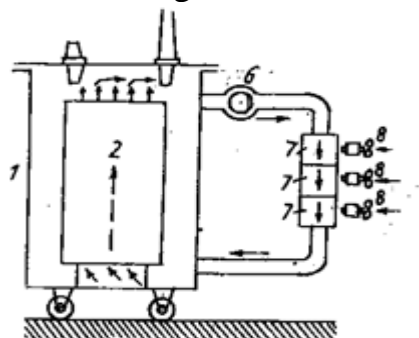


Hình 2.15: Dầu làm mát tự nhiên MBA
1. thùng; 2. Phần tỏa nhiệt; 3. ống dẫn.

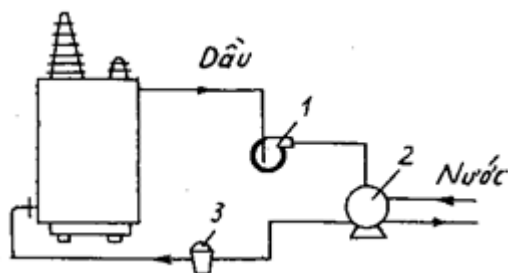
Hệ thống làm mát kiểu này dựa trên cơ sở làm mát kiểu M có đặt quạt để tăng cường độ tản nhiệt trên bề mặt làm mát. Do vậy có thể tăng cường công suất mang tải của MBA. Nhờ có một số quạt gió, nên có thể cắt một số quạt khi nhiệt độ không khí thấp hoặc phụ tải của MBA không lớn để giảm tiêu tốn điện năng cho bộ phận làm mát. Mở và tắt quạt có thể thực hiện tự động. MBA làm mát kiểu này có thể làm việc ngay cả khi cắt hoàn toàn quạt gió, nhưng khi đó phụ tải của nó cần phải giảm đi (25-30)% S_{dm} .



Hình 2.16: Hệ thống làm mát bằng dầu tuần hoàn tự nhiên có quạt gió
1. thùng; 2. Bộ phận tỏa nhiệt; 4. ống góp; 5. Bộ tản nhiệt ống; 8. Quạt thông gió



Hình 2.17: Hệ thống làm mát bằng dầu và không khí tuần hoàn cưỡng bức
6. bơm dầu; 7. Bộ phận tản nhiệt.



Hình 2.18: Hệ thống làm mát bằng dầu tuần hoàn cưỡng bức và dầu lại được làm mát bằng nước

1. bơm dầu; 2. Bộ phận làm mát dầu; 3. Bộ phận ly không khí.

2.2.4. Khả năng tải và quá tải của MBA.

Đối với MBA, ngoài công suất định mức còn có khái niệm "khả năng tải". Chế độ làm việc của MBA không gây ra sự già cỗi cách điện nhanh chóng và giảm thời gian phục vụ của nó gọi là chế độ làm việc lâu dài cho phép. Chế độ làm việc gây ra hao mòn cách điện nhanh chóng và rút ngắn thời hạn phục vụ của MBA gọi là quá tải.

Khi quá tải mà nhiệt độ điểm nóng nhất không vượt quá giá trị số nguy hiểm gọi là quá tải cho phép. Để xem xét khả năng tải của MBA trong những điều kiện nhất định, cần phải xác định nhiệt độ có thể đạt tới của dầu và của cuộn dây cũng như sự già cỗi cách điện. Khả năng quá tải cho phép của MBA gồm: quá tải thường xuyên và quá tải sự cố.

2.3. KHÍ CỤ ĐIỆN

2.3.1. Khái niệm chung

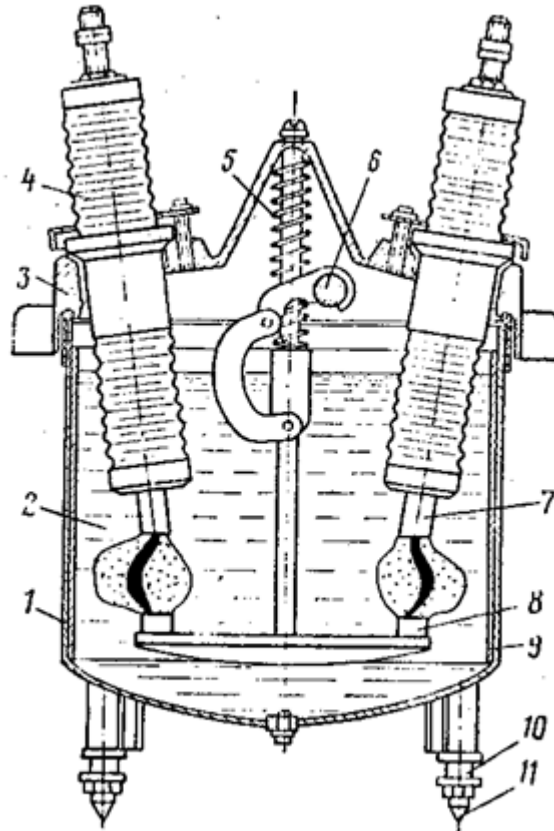
Trong các thiết bị phân phối (TBPP) người ta dùng các loại khí cụ điện khác nhau để đóng mở mạch, đo lường... Chúng được nối với nhau bằng thanh dẫn, thanh góp theo sơ đồ nối điện nhất định. Tùy theo chức năng đảm nhận, khí cụ điện được phân thành các nhóm sau:

- Khí cụ chuyển mạch như máy cắt điện, dao cách ly;
- Khí cụ bảo vệ khi có quá dòng hay quá áp như cầu chì, thiết bị chống sét.
- Khí cụ hạn chế dòng ngắn mạch như điện trở phụ, kháng điện;
- Khí cụ đo lường như biến dòng điện, biến điện áp.

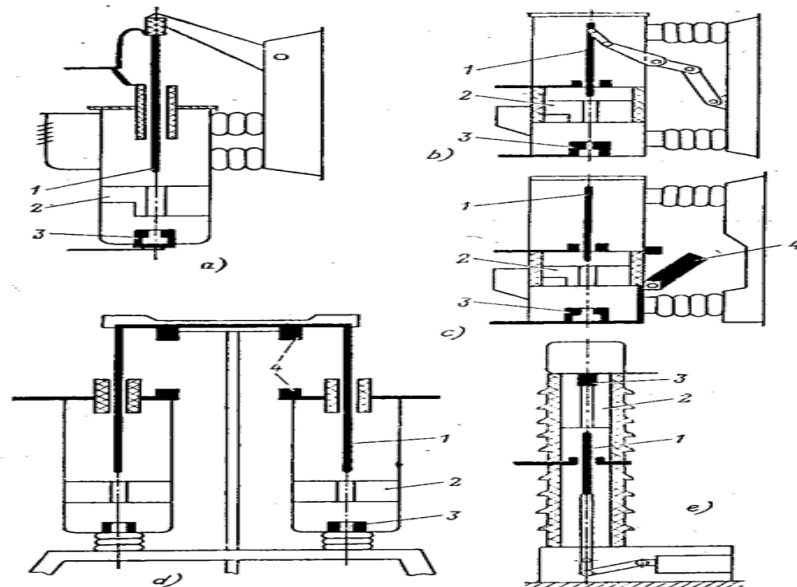
Các khí cụ điện và dây dẫn, thanh góp tuy có khác nhau về chức năng nhưng đều có yêu cầu chung là chúng phải được ổn định nhiệt, ổn định động khi có dòng ngắn mạch đi qua; đặc biệt đối với khí cụ điện chuyển mạch, hiện tượng hồ quang điện có vai trò quyết định đến cấu tạo của chúng.

2.3.2. Máy cắt điện cao áp

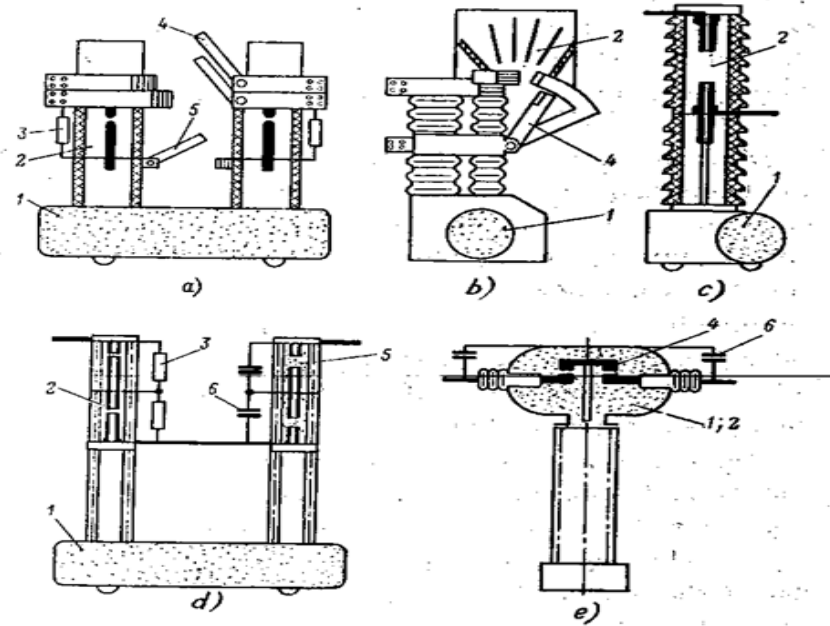
Máy cắt điện cao áp (trên 1000V) dùng để đóng, cắt mạch khi có dòng phụ tải và cả khi có dòng ngắn mạch. Yêu cầu đối với chúng là phải cắt nhanh, khi đóng cắt không gây nổ hoặc cháy, kích thước gọn nhẹ, giá thành hạ. Trong máy cắt cao áp, vấn đề dập hồ quang khi cắt ngắn mạch rất quan trọng. Chính vì vậy người ta thường căn cứ vào phương pháp dập hồ quang để phân loại máy cắt.



Hình 2.19: Máy cắt nhiều dầu

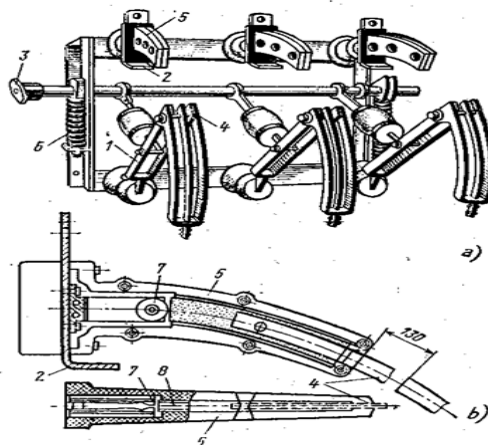


Hình 2.20: Sơ đồ cấu trúc máy cắt ít dầu
 1- đầu tiếp xúc di động, 2 - buồng dập tắt hồ quang,
 3 đầu tiếp xúc cố định, 4 - đầu tiếp xúc làm việc.



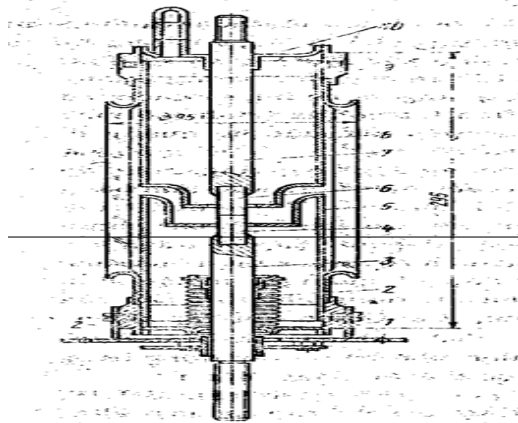
Hình 2.21: Sơ đồ cấu trúc máy cắt không khí

1 - bình chứa khí nén, 2 - buồng dập tắt hồ quang, 3 - điện trở sun,
4 - đầu tiếp xúc chính, 5 - bộ cách ly, 6 - bộ phân áp bằng tụ.

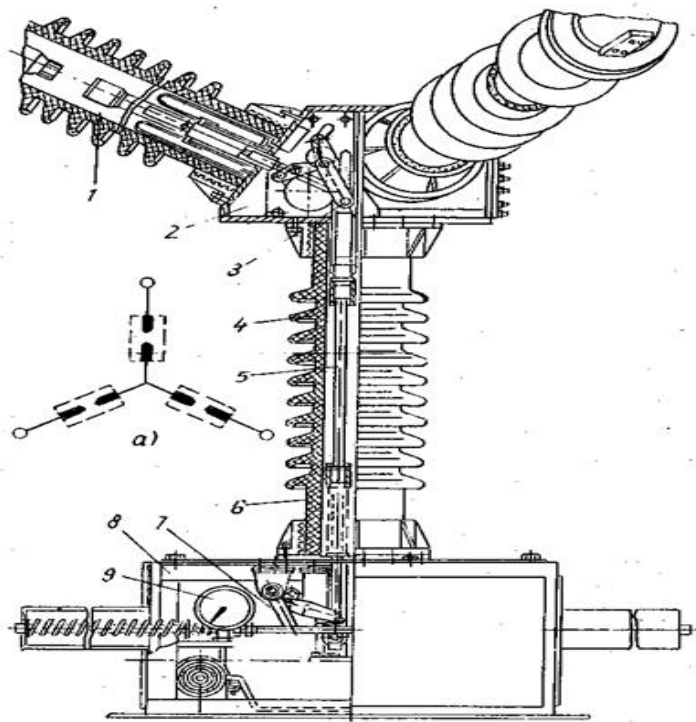


Hình 2.22: Máy cắt tự sinh khí BH-16

a. Hình dáng chung, b. Buồng dập hồ quang
1. Tiếp xúc di động, 2. Tiếp xúc cố định, 3. Trục,
4. Tiếp xúc dập hồ quang di động, 5. Vỏ buồng dập hồ quang,
6. Lò xo cắt, 7. Tiếp xúc dập hồ quang cố định,
8. Tấm vật liệu cách điện sinh khí.



Hình 2.23: Cơ cấu buồng dập tắt hồ quang của máy cắt chân không.
 1-9. Ống thép; 2. Hộp xếp; 3. Tiếp xúc di động;
 4-6. Tiếp xúc nổi bằng vonfram; 7. Tiếp xúc cố định;
 5-8. Tấm chắn kim loại; 11. Bình thủy tinh;
 10-12. Bình bằng thép.

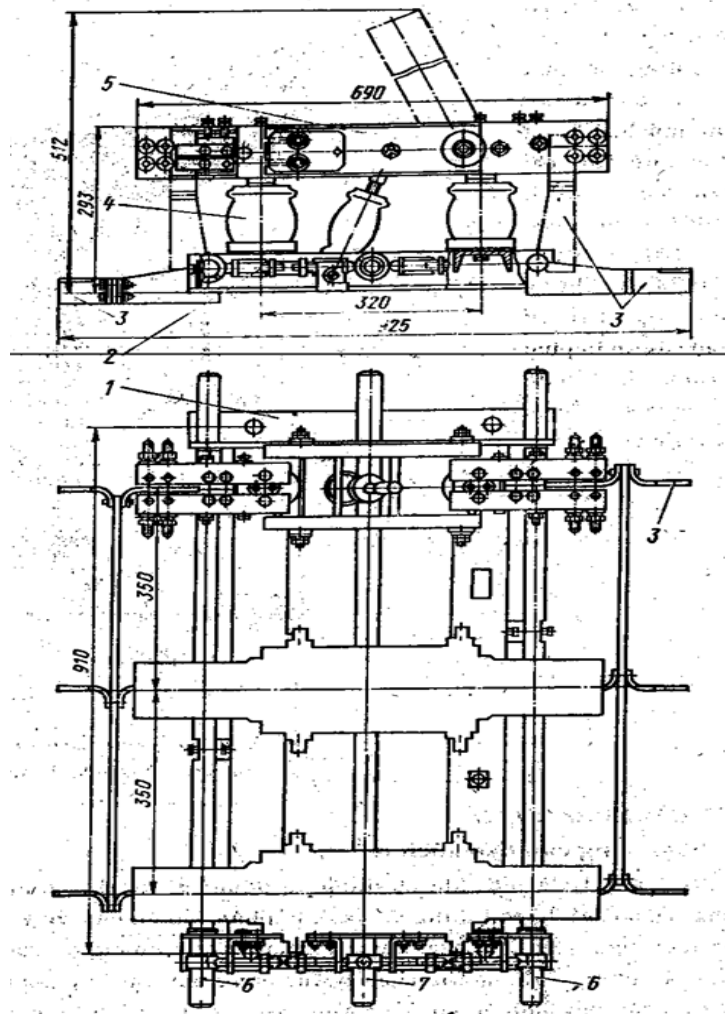


Hình 2.24: Máy cắt khí ba hướng

1. buồng dập tắt hồ quang; 2. Thân; 3-7. Tay đòn điều khiển;
 4. Sứ đỡ; 5. Thanh cách điện; 6. Thanh nổi;
 8. Hộp chứa cơ cấu điều hướng;
 9. Áp lực kế chỉ áp suất của khí êlêga.

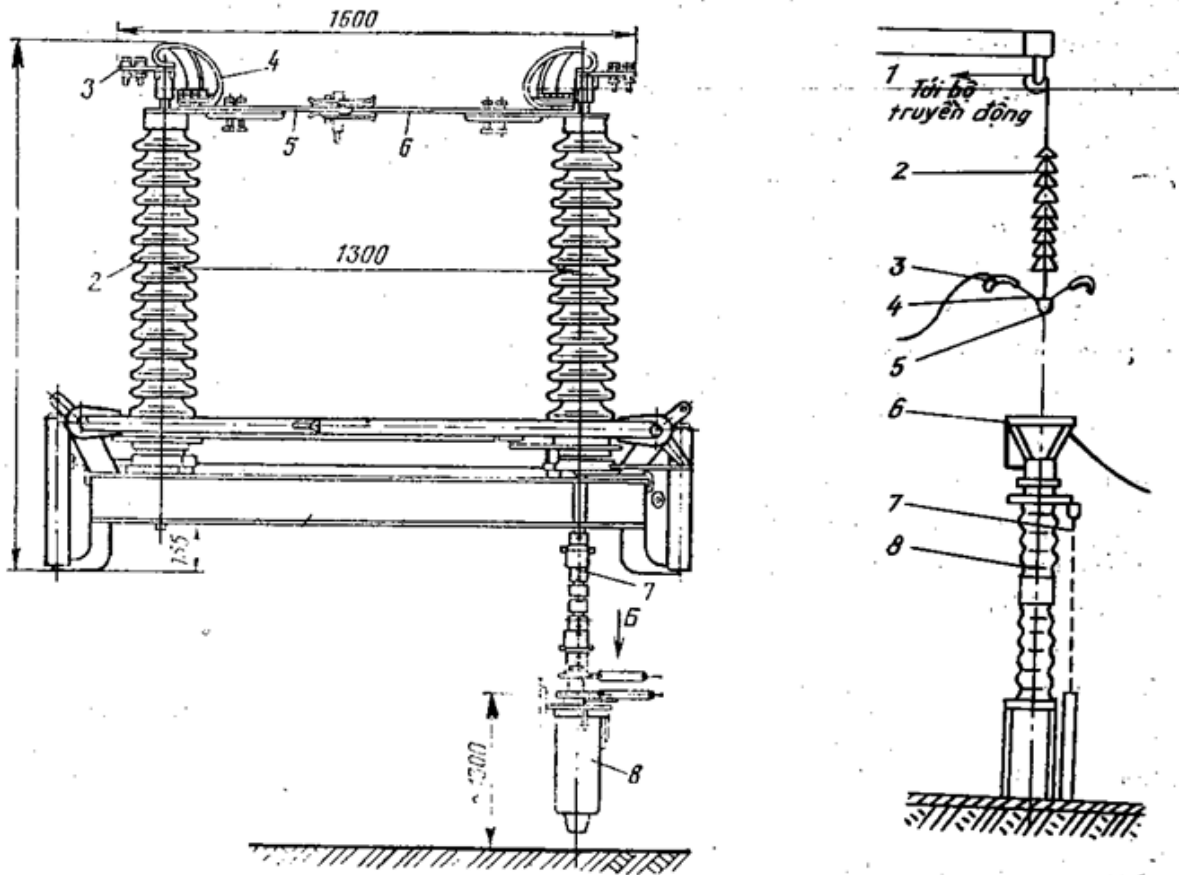
2.3.3. Dao cách ly.

Dao cách ly là một khí cụ dùng để đóng cắt mạch cao áp chủ yếu là khi không có dòng. Dao cách ly còn dùng để cách ly phần khí cụ cần được sửa chữa với phần còn lại của lưới điện. Các đầu tiếp xúc của dao cách ly không có buồng dập hồ quang nên khi thao tác nhầm - dùng dao cách ly cắt dòng phụ tải hay ngắn mạch, hồ quang sẽ xuất hiện có thể dẫn đến sự cố. Vậy trước khi mở dao cách ly, mạch điện cần phải được cắt bằng máy cắt.



Hình 2.25: Dao cách ly đặt trong nhà

1. Khung đỡ; 2. Khóa liên động cơ khí giữa dao chính và dao nối đất;
3. dao nối đất; 4. Sứ cách điện; 5. Dao chính; 6. Trục dao nối đất;
7. trục chính; 8. Trục dao chính; 9. Thanh kéo.

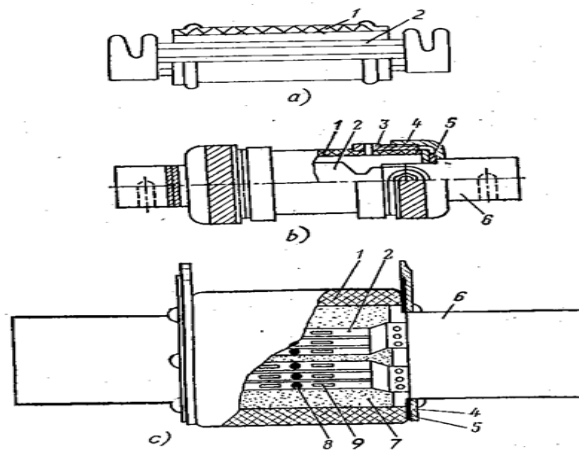


Hình 2.26: Dao cách ly ngoài trời có lưỡi dao quay ngang và kiểu treo

1. khung; 2. Sứ đỡ; 3. Đầu dây nối;
4. Dây nối mềm; 5-6. Dao chính;
7. Đòn chuyển động; 8. Truyền động;
9. Đầu tiếp xúc băng kim loại mỏng; 10. Đòn kéo.

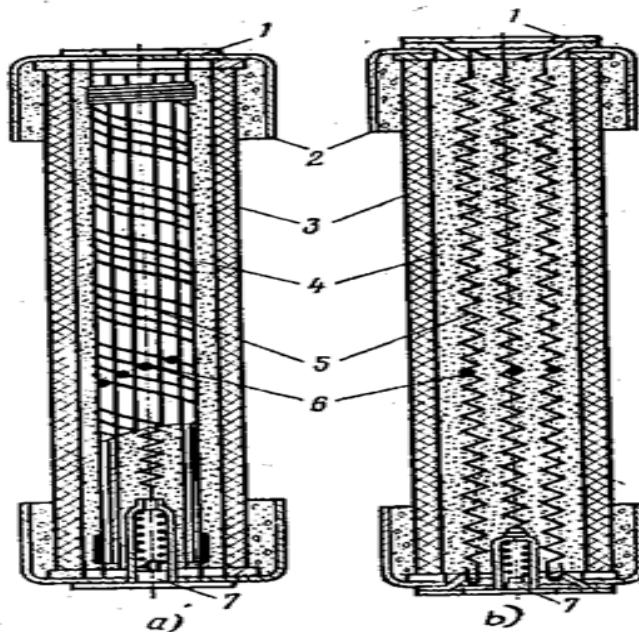
2.3.4. Cầu chì

Cầu chì dùng để bảo vệ mạch khi quá dòng. Bộ phận chủ yếu của cầu chì bao gồm dây chảy và vỏ, có khi còn có cả bộ phận dập tắt hồ quang.



Hình 2.27: Cầu chì điện áp dưới 1000V

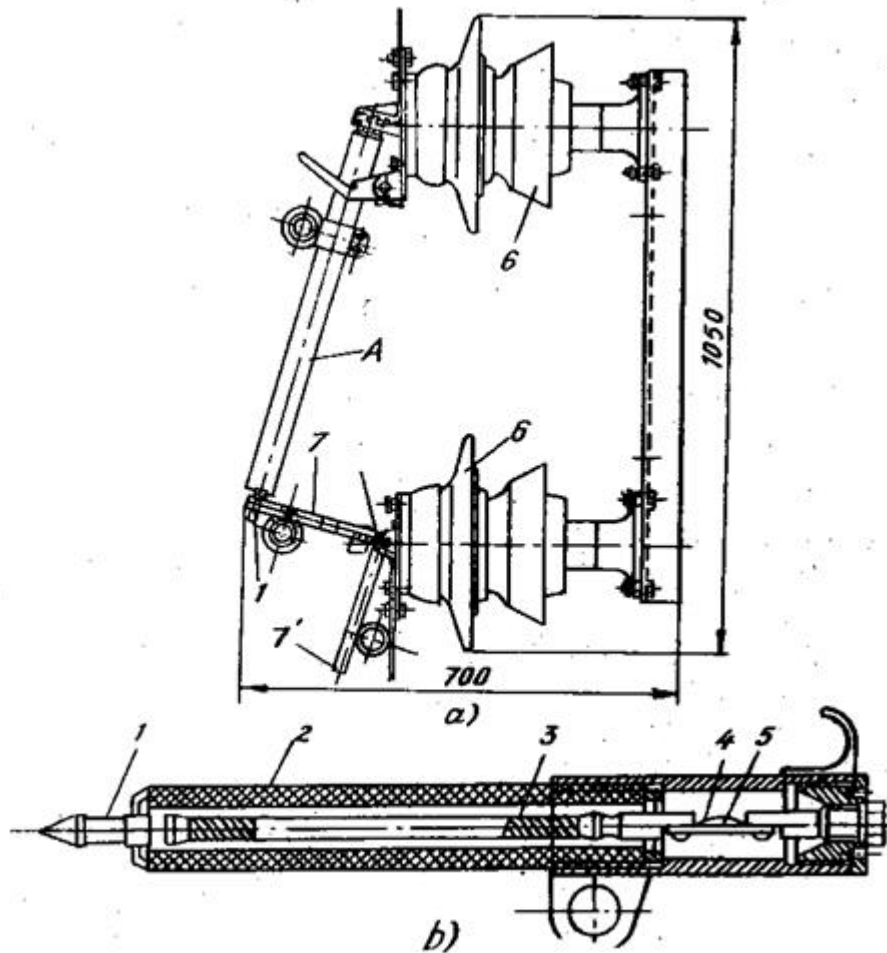
1. Vỏ; 2. Dây chảy; 3. Ống bọc; 4. Nắp; 5. Miếng đệm;
 6. Đầu nối với mạch điện; 7. Chất độn;
 8. Viên thiếc; 9. Rãnh.



Hình 2.28: Cầu chì kiểu ống có chất độn điện áp cao

a. dòng dưới 7,5A; b. Dòng trên 7,5A.

1. Nắp đáy; 2. Nắp ngoài; 3. Ống sứ; 4. Cát thạch anh;
 5. Dây chảy; 6. Viên thiếc; 7. Chỉ thị tình trạng cầu chì.

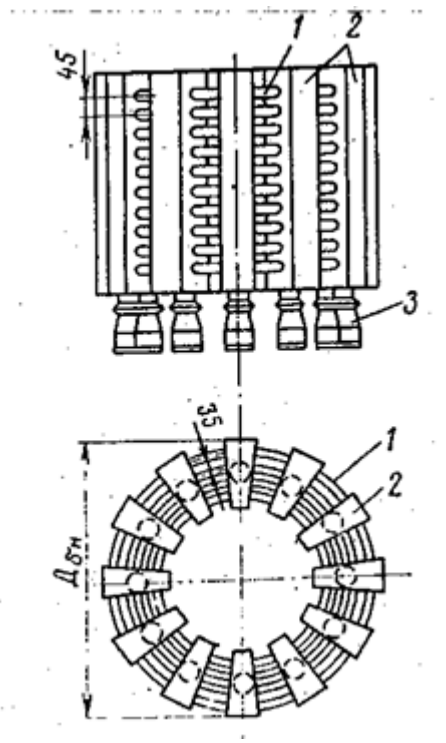


Hình 2.29: Cầu chì kiểu ống có boọ phận dập tắt hồ quang bằng chất tự sinh khí.

- A. Ống tự sinh khí; 4. Dây chảy bằng đồng; 3. Dây dẫn mềm; 1. Đầu tiếp xúc
5. Thanh thép cùng lò xo làm căng dây mềm
6. Đế sứ; 7. Dao kẹp cổ đầu tiếp xúc.

2.3.5. Kháng điện

Kháng điện dùng để hạn chế dòng ngắn mạch trong các mạch có công suất lớn, đồng thời để duy trì điện áp trên thanh góp ở một vị trí nhất định khi có ngắn mạch sau kháng. Kháng điện chủ yếu được dùng ở điện áp 6-10kV. Điện kháng của kháng điện lớn hơn rất nhiều so với điện trở của nó, nên tính toán chỉ xét đến điện kháng. Để đảm bảo điện kháng không có giá trị thay đổi theo dòng điện, kháng điện được chế tạo không có lõi thép. Bên cạnh tác dụng hạn chế ngắn mạch và giữ điện áp trên thanh góp, kháng điện lại có nhược điểm là gây tổn thất điện áp khi làm việc bình thường.



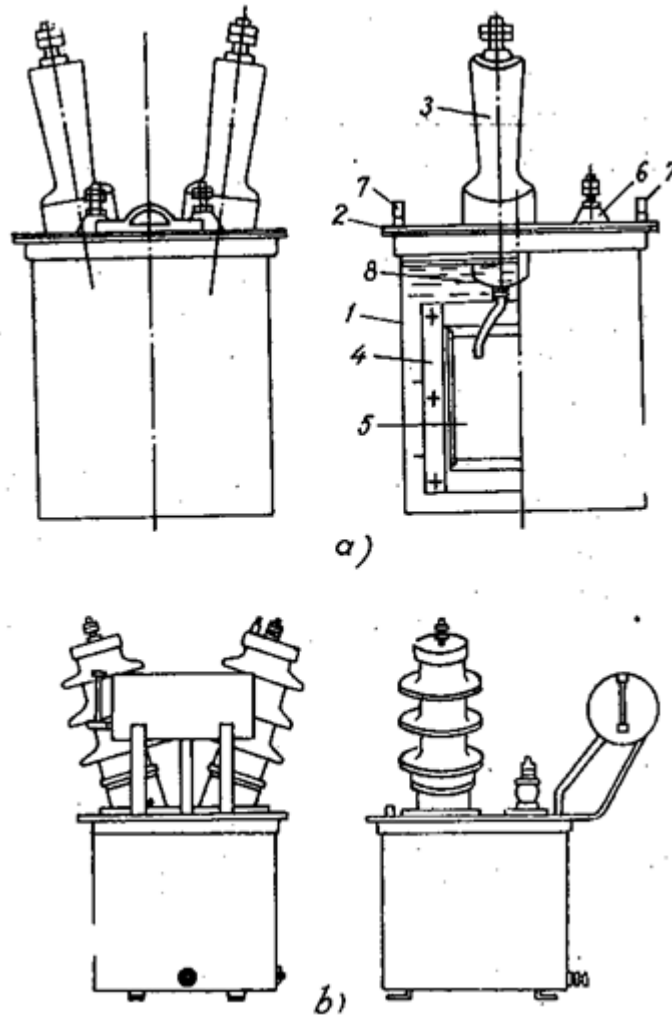
Hình 2.30: Kháng điện bê tông

1. Cuộn dây; 2. Trụ bê tông; 3. Đế cách điện.

2.3.6. Biến áp đo lường

Biến điện áp BU dùng để biến đổi điện áp từ trị số lớn xuống trị số thích hợp ($100V$ hay $100/\sqrt{3}V$) để cung cấp cho các dụng cụ đo lường, role và tự động hóa. Như vậy các dụng cụ thứ cấp được tách khỏi mạch điện cao áp nên rất an toàn cho người. Cũng vì an toàn, một trong những đầu ra của

cuộn dây thứ cấp phải được nối đất. Các dụng cụ phía thứ cấp của BU có điện trở rất lớn, nên có thể coi BU làm việc ở chế độ không tải.



Hình 2.31: Biến áp dầu 1 pha

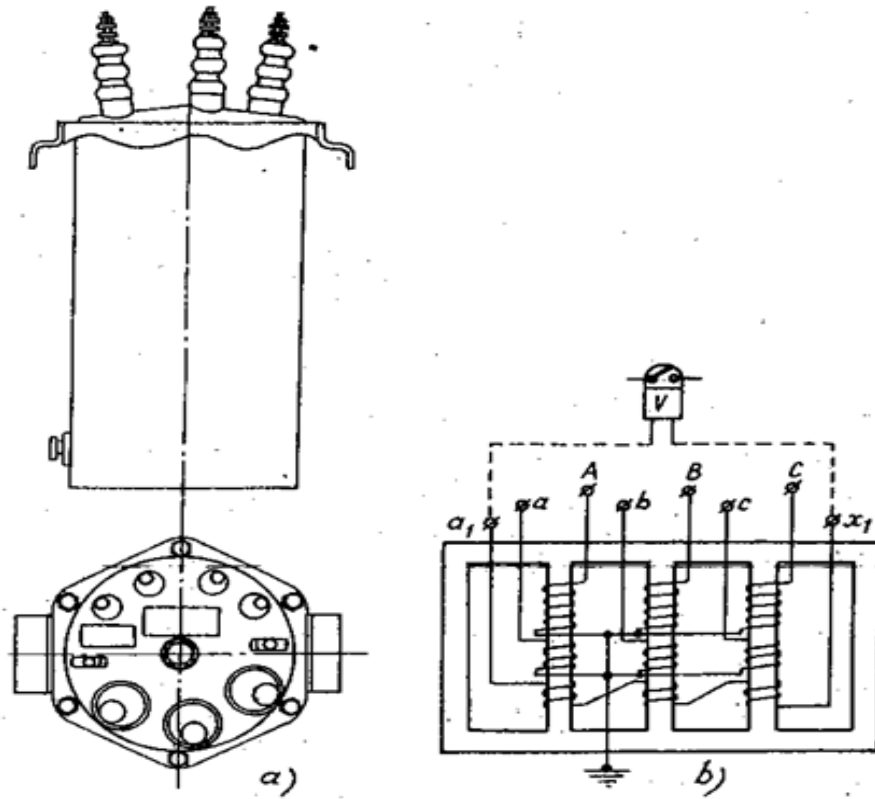
a. điện áp dưới 35kV; 1. Thùng thép; 2. Nắp;

3. Đầu sứ xuyên phía cao áp; 4. Mạch từ;

5. Cuộn dây sơ cấp; 6. Đầu ra thứ cấp;

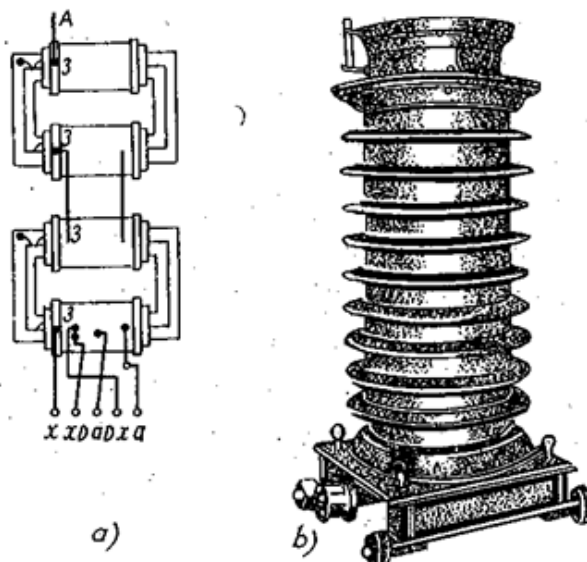
7. Chốt tháo nắp; 8. Dầu máy biến điện áp.

b. Điện áp 35kV.



Hình 2.32: Biến điện áp 3 pha 5 trụ

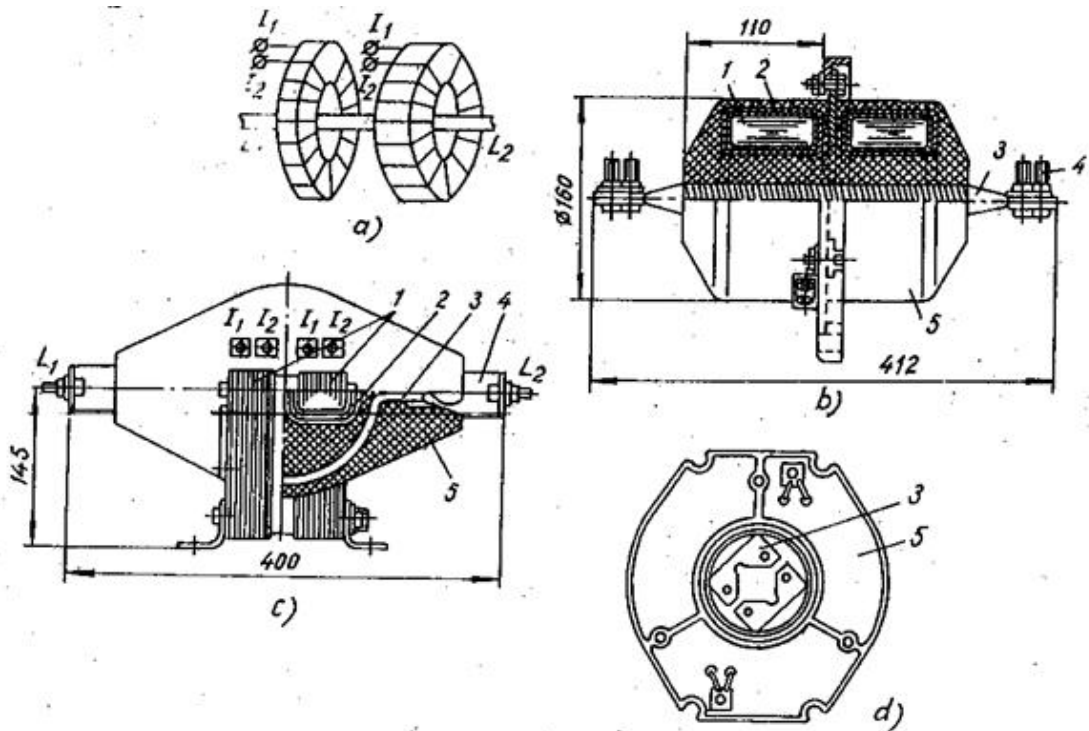
a. Bề ngoài; b. Sơ đồ nối dây.



Hình 2.33: Biến điện áp kiểu phân cấp

a. Sơ đồ nối dây; b. Bề ngoài.

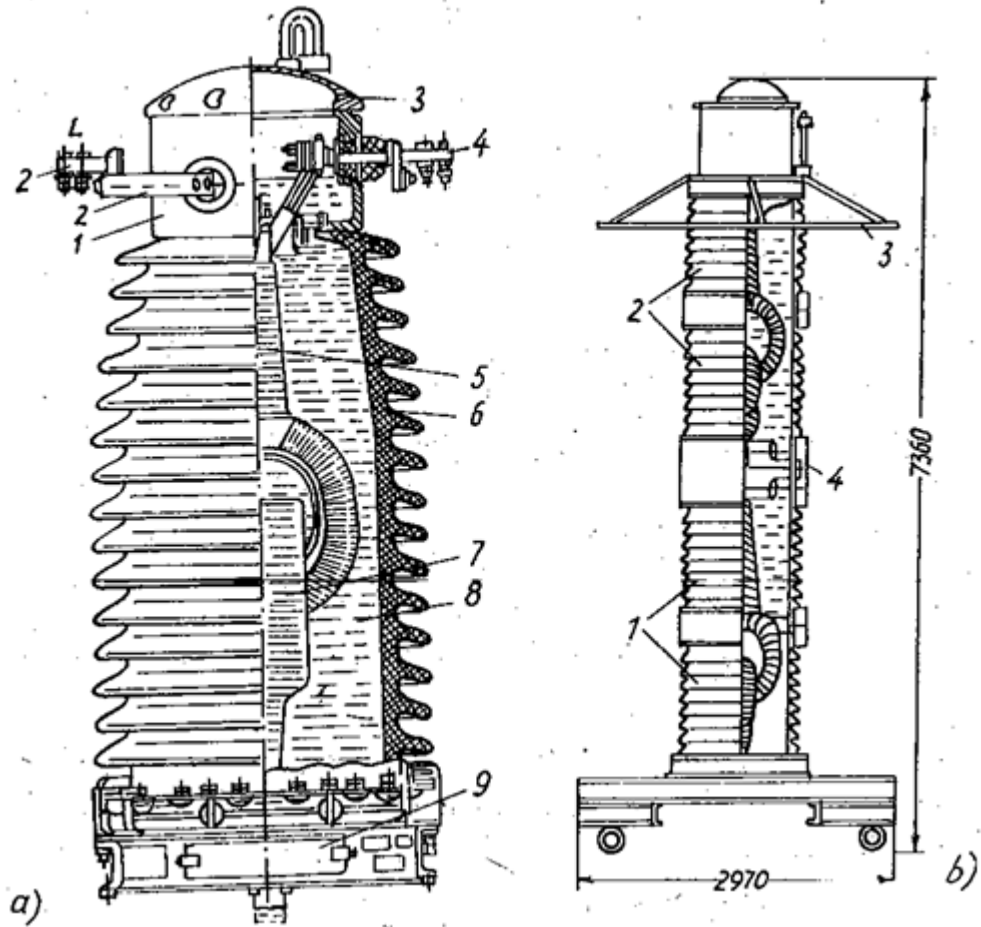
Biến dòng BI dùng để biến đổi dòng từ trị số lớn hơn xuống trị số thích hợp (thường là 5A, trường hợp đặc biệt là 1A hay 10A) với các dụng cụ đo và rơle, tự động hóa. Cấp chính xác của biến dòng là sai số dòng lớn nhất khi nó làm việc trong các điều kiện: tần số 50Hz, phụ tải thứ cấp thay đổi từ 0,25 đến 1,2 định mức.



Hình 2.34: Biến dòng kiểu xuyên

- a. Sơ đồ nguyên lý; b. Biến dòng điện dòng sơ cấp từ 600A trở lên; c. Biến dòng điện dòng sơ cấp dưới 600A; d. Biến dòng điện dòng sơ cấp rất lớn;
 1. lõi thép; 2. Cuộn dây thứ cấp; 3. Cuộn dây sơ cấp (thanh dẫn xuyên);
 4. đầu nối cuộn sơ cấp; 5. Vỏ cách điện.

Đối với thiết bị phân phối ngoài trời, người ta dùng biến dòng kiểu đế, vỏ của nó bằng sứ cách điện, bên trong bằng giấy dầu. Khi điện áp cao, thực hiện cách điện giữa cuộn dây sơ cấp và thứ cấp gặp khó khăn. Vì vậy với điện áp 330kV và cao hơn người ta dùng biến dòng kiểu phân cấp, mỗi cấp có lõi thép riêng.



Hình 2.35: Biên dòng kiểu đê

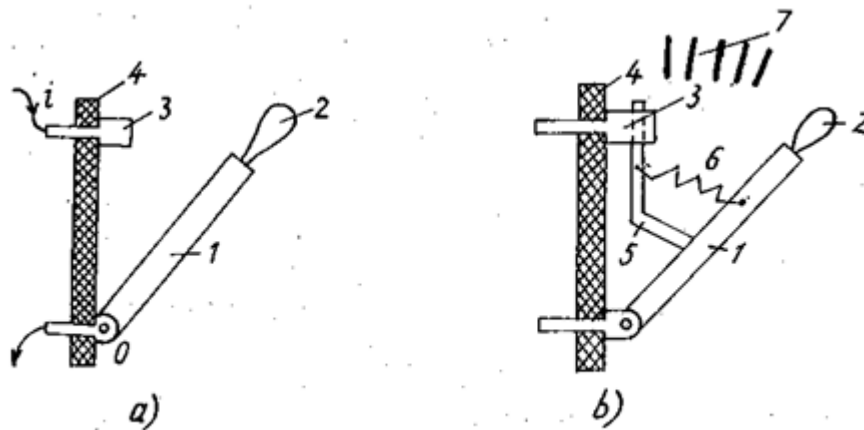
a. Một cấp; b. Phân cấp

2.3.7. Khí cụ điện hạ áp

Phân loại theo chức năng: khí cụ điện khống chế (dùng để đóng, mở điều chỉnh tốc độ, hãm động cơ...), khí cụ điện bảo vệ (dùng để bảo vệ mạch khi quá tải, quá dòng, sụt áp, dòng chạy ngược...), khí cụ điện điều khiển từ xa (dùng để thu nhận, phân tích và khống chế hoạt động của mạch điện). Theo nguyên lý làm việc có các loại: điện từ, điện động, cảm ứng, cực tính, nhiệt, có tiếp điểm và không có tiếp điểm.

2.3.7.1. Cầu dao

Cầu dao dùng để đóng cắt bằng tay, dùng để đóng, cắt các mạch điện.



Hình 2.36: Cầu dao

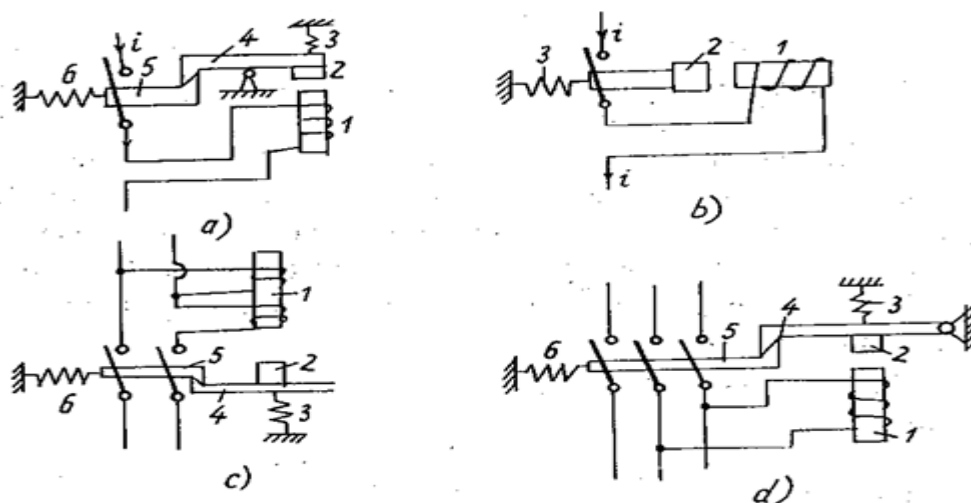
a. Không có buồng dập hồ quang; b. Có buồng dập hồ quang

1. thân dao; 2. Tay cầm cách điện; 3. Má dao; 4. Bảng cách điện

5. Dao phụ; 6. Lò xo kéo dao phụ; 7. Buồng dập hồ quang.

2.3.7.2. Áp tô mát

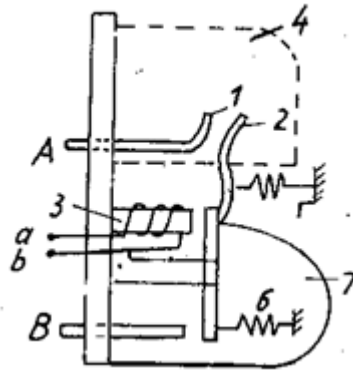
Áp tô mát là khí cụ điện dùng để đóng cắt mạch điện lúc bình thường cũng như khi sự cố: quá tải, ngắn mạch, sụt áp, công suất ngược... Áp tô mát có điện áp định mức đến 600V với dòng điện xoay chiều, 3300V với dòng điện một chiều, và dòng định mức tới 6000A. Những aptomat hiện đại có thể cắt được dòng điện tới 200-300kA.



Hình 2.37: Nguyên lý làm việc aptomat

2.3.8. Công tắc tơ

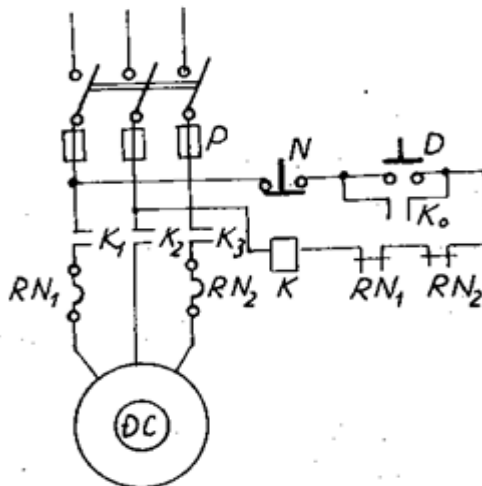
Công tắc tơ là khí cụ điện dùng để đóng, cắt mạch từ xa. Công tắc tơ phân loại theo nguyên lý truyền động: bằng lực hút điện từ, bằng khí nén, bằng sức ép của nước để đóng cắt mạch. Có công tắc tơ xoay chiều và công tắc tơ 1 chiều.



Hình 2.38: Công tắc tơ

2.3.9. Khởi động từ

Khởi động từ dùng để mở máy, điều khiển quay thuận nghịch và bảo vệ quá tải động cơ điện xoay chiều; role nhiệt được lắp trong hộp của công tắc tơ. Để khống chế động cơ quay thuận nghịch phải dùng khởi động từ kép có khóa liên động cơ khí và khóa điện với nhau.



Hình 2.39: Sơ đồ nguyên lý của khởi động từ

CHƯƠNG 3.

QUY TRÌNH VẬN HÀNH AN TOÀN CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TRONG NHÀ MÁY

3.1. MÁY PHÁT ĐIỆN VÀ MÁY BÙ ĐỒNG BỘ

Khi vận hành máy phát điện và máy bù đồng bộ phải đảm bảo sự làm việc liên tục của chúng với những thông số quy định trong các chế độ cho phép, sự làm việc chắc chắn của các hệ thống kích thích, làm mát và thiết bị bảo vệ.

Máy phát dự phòng và các nguồn điện khẩn cấp sẽ cấp điện cho các máy móc quan trọng của nhà máy điện khi có sự cố xảy ra phải sẵn sàng tự động khởi động. Sự hoàn hảo và tính sẵn sàng để khởi động tự động của các máy phát phải được kiểm tra định kỳ. Trong trường hợp có quá dòng điện và quá điện áp xảy ra trong mạch của máy phát điện, nhà máy điện phải được tách ra khỏi hệ thống bảo vệ một cách tự động.

*** Kích từ.**

Mạch kích từ phải có chế độ cường hành kích thích trong thời gian ngắn theo các quy định tại Quy chuẩn liên quan.

*** Cấp dầu dự phòng.**

Những nguồn dự phòng cung cấp dầu chèn cho máy phát điện làm mát bằng hydro, phải được tự động đóng vào làm việc khi nguồn cung cấp dầu chính bị cắt hoặc khi áp lực dầu giảm thấp dưới giới hạn quy định.

Bể dầu chèn phải được đưa vào vận hành thường xuyên để dự phòng cho hệ thống cung cấp dầu chèn của máy phát.

*** Hệ thống làm mát.**

Máy phát điện tua bin hơi và máy bù đồng bộ được làm mát bằng hydro phải làm việc với áp lực định mức của hydro và bảo đảm được việc điều

hiện tự động hệ thống cung cấp dầu chèn. Đối với máy phát điện cuộn dây được làm mát trực tiếp bằng hydro hoặc bằng nước và lõi thép stato được làm mát bằng hydro, không cho phép mang tải khi máy làm mát chỉ bằng không khí. Máy đó chỉ được phép làm việc ngắn hạn khi làm mát bằng không khí ở chế độ không tải không có kích thích, khi nhiệt độ không khí thấp hơn trị số ghi trong quy trình vận hành máy phát điện của nhà chế tạo.

*** Hệ thống chống cháy**

Các phương tiện cứu hoả cho máy phát làm mát bằng không khí và máy bù đồng bộ phải được trang bị phù hợp với hệ thống cứu hoả.

*** Bộ làm mát**

Các bộ lọc trong hệ thống dẫn nước vào bộ làm mát không khí hoặc bộ làm mát khí và các bình trao đổi nhiệt để làm mát máy phát điện và máy bù đồng bộ và các bộ lọc trong hệ thống tuần hoàn nước cất hoặc tuần hoàn dầu phải làm việc thường xuyên và định kỳ vệ sinh.

*** Hydro**

Độ sạch của khí hydro không nhỏ hơn 95%.

*** Áp suất máy phát điện**

Áp suất đầu chèn khi rôto máy phát điện đứng yên và đang quay phải cao hơn áp suất hydro trong máy. Giới hạn thấp nhất và cao nhất của mực chênh áp suất được quy định trong quy trình của nhà chế tạo.

*** Bảo vệ quá điện áp**

Tất cả máy phát điện phải có hệ thống bảo vệ quá điện áp.

Trong trường hợp hệ thống bảo vệ quá điện áp hoạt động, nhà máy điện phải được tách khỏi lưới điện.

*** Quá tải máy phát**

Trong trường hợp sự cố, dòng rôto và stato của máy phát và máy bù đồng bộ được phép quá tải tạm thời như điều kiện giá trị quy định của nhà chế tạo

*** Vận hành không cân bằng**

Cho phép vận hành với dòng điện không cân bằng, các pha không được vượt quá trị số cho phép. Đối với máy phát điện thuỷ lực có hệ thống làm mát gián tiếp bằng không khí cho cuộn dây stato thì dòng điện giữa các pha phải nằm trong các giá trị dịch chuyển cho phép theo thiết kế của nhà chế tạo hoặc các Quy chuẩn liên quan.

Đối với các máy phát điện thuỷ điện có hệ thống làm mát trực tiếp bằng nước, được phép vận hành với sự dịch chuyển của dòng điện giữa các pha theo thiết kế của nhà chế tạo hoặc các Quy chuẩn liên quan. Trong mọi trường hợp dòng điện của bất kỳ pha nào cũng không được vượt quá định mức.

*** Máy phát hoạt động ở chế độ động cơ**

Khoảng thời gian cho phép máy phát vận hành ở chế độ mô tơ chỉ bị giới hạn bởi điều kiện làm việc của tua bin và theo quy định của nhà chế tạo. Phụ tải phản kháng cho phép của máy phát điện ở chế độ máy bù đồng bộ và máy bù đồng bộ khi làm việc thiếu kích thích (ở góc điện dung) được quy định trên cơ sở các thí nghiệm đặc biệt về nhiệt hoặc theo tài liệu của nhà chế tạo.

*** Vận hành máy phát làm mát trực tiếp**

Máy phát được làm mát trực tiếp cho cuộn dây được phép vận hành với hệ số công suất cao hơn giá trị danh định và tới giá trị bằng 1 khi đầy tải giữ tại giá trị danh định.

*** Rung động**

Độ rung của các ổ đỡ tua bin - máy phát phải tương ứng với giá trị quy định của nhà chế tạo.

*** Nạp - xả hydro làm mát**

Trong những điều kiện bình thường, đối với máy phát điện với cuộn dây làm mát trực tiếp bằng hydro, việc nạp hydro vào máy và xả hydro ra khỏi máy phải tiến hành khi rôto đứng yên hoặc quay rôto bằng bộ quay trực.

Khi sự cố, có thể bắt đầu xả hydro trong lúc rôto còn đang quay theo quán tính. Phải dùng khí cacbonic hoặc nitơ để xả hết hydro hoặc không khí ra khỏi máy phát điện, máy bù đồng bộ theo đúng quy trình vận hành hệ thống làm mát bằng hydro của máy phát điện.

3.2. ĐỘNG CƠ ĐIỆN

*** Ký hiệu**

Các động cơ và máy do nó kéo phải có mũi tên chỉ chiều quay, và các trang bị khởi động của nó phải ghi rõ thuộc tổ máy nào.

*** Sửa chữa định kỳ**

Thời hạn sửa chữa lớn và sửa chữa nhỏ của động cơ điện được quy định theo điều kiện của từng nơi.

3.3. MÁY BIẾN ÁP, MÁY BIẾN ÁP TỰ NGÃU VÀ CUỘN ĐIỆN KHÁNG CÓ DẦU

*** Quy định chung**

Khi vận hành máy biến áp lực và cuộn điện kháng có dầu (trong chương này gọi chung là máy biến áp) phải bảo đảm sự làm việc chắc chắn và lâu dài của chúng bằng cách:

- Giám sát nhiệt độ, chế độ phụ tải và mức điện áp.
- Giám sát nghiêm ngặt tiêu chuẩn về chất lượng và đặc tính cách điện.

- Duy trì tốt các trang bị làm mát, điều chỉnh điện áp, giám sát dầu và các trang bị khác.

*** Phòng chống cháy**

Các trang bị phòng chống cháy đặt cố định, trang bị thu gom dầu dưới máy biến áp (cuộn điện kháng) và các ống xả dầu phải được duy trì trong trạng thái sẵn sàng làm việc.

*** Đánh số, ký hiệu**

Trên vỏ máy biến áp đặt ngoài trời phải ghi tên gọi thống nhất theo quy định của điều độ. Cũng phải ghi những ký hiệu như vậy ở trên cánh cửa và ở bên trong các buồng, các ngăn đặt máy biến áp.

Trên vỏ các máy biến áp một pha phải ghi tên của pha.

Máy biến áp đặt ngoài trời phải sơn màu sáng chịu được tác động của môi trường và của dầu.

*** Nguồn cấp điện**

Các động cơ điện của hệ thống làm mát máy biến áp thông thường phải được cấp điện từ hai nguồn. Đối với máy biến áp có dầu tuần hoàn cưỡng bức phải trang bị bộ tự động đóng nguồn dự phòng (TDD).

*** Bộ điều áp dưới tải**

Bộ điều chỉnh điện áp dưới tải (ĐAT) của máy biến áp phải thường xuyên trong tình trạng làm việc; thông thường bộ điều chỉnh này làm việc tự động. Phải kiểm tra sự làm việc của bộ điều chỉnh căn cứ vào trị số ghi trên bộ đếm số lần tác động.

*** Hệ thống làm mát**

Hệ thống làm mát của máy biến áp phải bảo đảm cho máy làm việc với phụ tải định mức.

*** Làm mát cưỡng bức**

Ở máy biến áp làm mát bằng không khí và dầu tuần hoàn cưỡng bức (dạng KD) và ở máy biến áp làm mát bằng nước và dầu tuần hoàn cưỡng bức (dạng ND), hệ thống làm mát phải được tự động đóng (cắt) đồng thời với việc đóng (cắt) máy biến áp. Dầu phải được liên tục tuần hoàn cưỡng bức, không phụ thuộc mức mang tải.

*** Mức dầu phụ**

Dầu trong bình dầu phụ của máy biến áp phải ở mức ngang vạch dầu tương ứng với nhiệt độ dầu trong máy biến áp.

*** Quá tải MBA**

Mỗi cuộn dây của máy biến áp dầu được phép quá tải lâu dài với dòng điện cao hơn định mức 5% của nấc điện áp tương ứng nếu điện áp ở nấc đó không cao hơn điện áp định mức.

Ngoài ra, tùy theo chế độ làm việc, máy biến áp còn được phép quá tải ngắn hạn thường kỳ, mức độ và thời gian quá tải căn cứ theo quy trình về vận hành máy biến áp phù hợp với hướng dẫn của nhà chế tạo.

Ở máy biến áp tự ngẫu có cuộn dây điện áp thấp nối với máy phát điện, máy bù đồng bộ hoặc phụ tải thì cần kiểm tra dòng điện ở phần chung của cuộn dây điện áp cao.

*** Kiểm tra MBA**

Máy biến áp cần được kiểm tra tuân theo những nội dung kiểm tra được mô tả trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Kiểm tra sự cố**

Khi role kiểm tra các hư hỏng bên trong máy biến áp tác động để cảnh báo, phải tiến hành xem xét phía ngoài máy biến áp, lấy mẫu khí trong role hơi để phân tích và kiểm tra tính chất cháy của khí. Nếu khí cháy được hoặc

trong khí có chứa những sản phẩm do phân hủy chất cách điện, phải nhanh chóng cắt máy biến áp.

*** Đóng điện MBA**

Trường hợp máy biến áp cắt tự động do tác động của bảo vệ chống hư hỏng bên trong máy biến áp chỉ cho phép đóng vào làm việc trở lại sau khi đã xem xét, thử nghiệm, phân tích mẫu khí và khắc phục những điều bất thường đã phát hiện.

Trường hợp máy biến áp bị cắt tự động do bảo vệ khác ngoài so lệch và rò rỉ hơi, có thể đóng máy biến áp trở lại làm việc không cần kiểm tra trừ khi do ngắn mạch.

*** Dầu cách điện**

Dầu trong bình dầu phụ của máy biến áp phải được bảo vệ tránh tiếp xúc trực tiếp với môi trường không khí. Dầu trong các sứ điện có dầu phải được bảo vệ chống ôxy hóa và chống nhiễm ẩm.

*** Đóng điện xung kích**

Máy biến áp phải được đóng vào lưới lần đầu bằng cách đóng xung kích toàn bộ điện áp. Máy biến áp làm việc theo sơ đồ khối với máy phát điện có thể đóng vào lưới lần đầu cùng với máy phát điện bằng cách nâng điện áp từ không hoặc bằng cách đóng xung kích.

*** Kiểm tra MBA**

Máy biến áp cần được kiểm tra tuân theo những nội dung kiểm tra được mô tả trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

3.4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ĐIỆN (HPĐ)

*** Quy định chung**

Đơn vị vận hành các trang thiết bị của hệ thống phân phối điện cần đảm bảo các điều kiện làm việc của từng thiết bị lưới điện theo các giá trị danh định trong điều kiện hoạt động bình thường cũng như trong tình trạng ngắn mạch, quá điện áp. Nhân viên vận hành trong HPĐ, phải nắm vững sơ đồ và các chỉ dẫn theo các chế độ làm việc cho phép của thiết bị điện trong điều kiện bình thường và sự cố.

*** Khai thác hệ thống phân phối điện**

Khi khai thác HPĐ, phải đưa vào làm việc thường xuyên mang điện tất cả các phân đoạn và hệ thống thanh cái (trừ thanh cái đường vòng), cũng như tất cả các thiết bị điện, trừ thiết bị dự phòng.

*** Cách điện HPĐ**

Cấp cách điện của các thiết bị điện phải tương ứng với điện áp định mức của lưới điện, còn các trang bị bảo vệ chống quá điện áp phải phù hợp với mức cách điện của thiết bị điện. Khi bố trí thiết bị điện ở những nơi có môi trường bụi bẩn phải có các biện pháp bảo đảm cho cách điện làm việc được chắc chắn: ở các hệ thống phân phối điện ngoài trời (HPĐN)

Sử dụng cách điện loại tăng cường, rửa làm sạch, mạ kẽm chống ăn mòn các chi tiết kim loại; ở các hệ thống phân phối điện trong nhà (HPĐT)- chống bụi khí xâm thực lọt vào; ở các hệ thống phân phối điện hợp bộ (HPĐH) - dùng các tủ kín có cách điện tăng cường và mạ kẽm chống ăn mòn các chi tiết kim loại.

*** Bảo vệ nhiệt độ**

Các kết cấu bị phát nóng khi ở gần các phần mang điện mà nhân viên vận hành dễ tiếp xúc phải được hạn chế nhiệt độ không vượt quá +50°C.

*** Nhiệt độ làm việc**

Nhiệt độ trong nhà ở các HPĐT vào mùa hè không được vượt quá +45°C, và phải có các biện pháp làm giảm nhiệt độ của các thiết bị điện hoặc làm giảm nhiệt độ không khí làm mát.

*** Bảo vệ chống xâm nhập**

Ở các HPĐT phải có các biện pháp ngăn ngừa không cho các động vật và chim chui vào. Lớp phủ sàn nhà không cho phép tạo thành bụi. Giữa cây cối với các phần mang điện trong HPĐT phải có đủ khoảng cách loại trừ được khả năng phóng điện.

*** Bảo vệ hàm cáp**

Các mương và rãnh cáp ở các HPĐT phải được đậy kín bằng các tấm nắp không cháy. Ở những lỗ cáp vào nhà, xuyên tường, trần ra khỏi mương cáp phải được bịt kín bằng các vật liệu không cháy.

Các hàm cáp, mương cáp phải được giữ gìn sạch sẽ phải có trang thiết bị thải nước đọng. Hệ thống chứa dầu, hồ thu dầu, hệ thống thoát thải dầu phải bảo đảm hoạt động tốt và đảm bảo môi trường.

*** Mức dầu cách điện**

Mức dầu ở các máy cắt dầu, các máy biến áp đo lường, các sứ có dầu không được thấp hơn hoặc cao hơn các giới hạn chỉ thị dầu theo nhiệt độ môi trường. Dầu ở trong các thiết bị trên phải bảo vệ chống ẩm và ôxy hóa.

*** Kiểm tra nhiệt độ mối nối**

Để loại trừ sự phát nóng ở các mối nối thanh cái trong các HPĐT phải định kỳ kiểm tra bằng các chỉ thị nhiệt di động hoặc cố định.

*** Khóa liên động**

Các HPĐ điện áp từ 3 kV trở lên phải trang bị các khóa liên động, nhằm ngăn ngừa việc thao tác nhầm các dao cách ly, dao tách nhánh, dao tạo ngắn mạch, xe chuyên máy cắt, dao tiếp đất...Nhân viên vận hành, trực tiếp thao tác các thiết bị trên không được tự ý mở các khóa liên động.

*** Bảo vệ tác động sai**

Ở các trạm biến áp, trạm cắt cũng như các công trình khác đặt trên cột không có hàng rào vây quanh thì các tay truyền động dao cách ly và các tủ phân phối điện hạ áp phải được khóa lại.

*** Tiếp đất HPĐ**

Để thực hiện tiếp đất của HPĐ điện áp từ 3 kV trở lên phải dùng dao tiếp đất đặt cố định. Tay thao tác của bộ truyền động dao tiếp đất phải sơn màu đỏ còn lưỡi dao thì sơn đỏ có vạch trắng.

*** Chỉ thị máy cắt điện**

Ở máy cắt điện và bộ phận truyền động phải có bộ chỉ thị vị trí đóng hoặc cắt. Ở các máy cắt điện có bộ truyền động đặt liền với máy cắt thì chỉ cần đặt bộ chỉ thị vị trí đóng cắt hoặc ở máy cắt điện hoặc ở bộ truyền động. Ở các máy cắt điện tiếp điểm làm việc của nó dễ dàng quan sát được vị trí đóng hoặc cắt thì không nhất thiết phải có bộ chỉ thị vị trí đóng cắt của máy cắt.

Ở các bộ truyền động dao cách ly, dao tiếp đất, dao tách nhánh, dao tạo ngắn mạch và các thiết bị khác có tường ngăn cách với các thiết bị thì phải có bộ phận chỉ thị vị trí "đóng" và "cắt".

*** An toàn vận hành HPĐ**

Tại các HPĐ phải có các trang bị nổi đất lưu động, các phương tiện cấp cứu tai nạn, các dụng cụ bảo vệ và phòng chữa cháy theo đúng Quy chuẩn về an toàn lao động và phòng chữa cháy (cát, bình dập lửa v.v...).Đối với HPĐ

nếu có các đội phòng chữa cháy nội bộ thì các dụng cụ phương tiện trên đây có thể để tại trụ sở của các đội này.

*** Kiểm tra thử nghiệm**

Kiểm tra và thí nghiệm đối với HPĐ phải thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật về thử nghiệm trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Bảo dưỡng - đại tu định kỳ**

Việc đại tu thiết bị HPĐ cần được thực hiện với phương pháp thích hợp và có khoảng thời gian nhất định để duy trì độ tin cậy và vận hành tiết kiệm. Khoảng thời gian này cần được xác định bởi đơn vị vận hành theo tình trạng và hư hỏng thực tế của thiết bị.

3.5. HỆ THỐNG ẮC QUY

*** Điện áp làm việc**

Khi vận hành, hệ thống ắc quy phải bảo đảm làm việc tin cậy lâu dài với mức điện áp cần thiết trên thanh cái điện một chiều trong chế độ vận hành bình thường và sự cố.

*** Kiểm tra**

Việc kiểm tra các ắc quy mới phải phù hợp với nội dung của việc kiểm tra hiện trường và kiểm tra hoàn thành được mô tả ở trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Thông gió**

Thông gió bằng quạt hút ở phòng đặt ắc quy trong các nhà máy điện phải được hoạt động theo chỉ tiêu kỹ thuật của ắc quy và trạng thái lắp đặt.

Các phòng đặt ắc quy của trạm biến áp, việc thông gió thực hiện theo quy định địa phương.

*** Điện áp điều khiển**

Điện áp ở thanh cái điện một chiều cung cấp điện cho các mạch điều khiển trang bị bảo vệ rơle, tín hiệu tự động và điều khiển từ xa, trong điều kiện vận hành bình thường cho phép lớn hơn 5% điện áp định mức của các trang bị nhận điện. Các đường điện một chiều trực chính phải có 2 nguồn cấp điện. Khi có chạm đất trong hệ thống điện một chiều, phải nhanh chóng loại trừ, không cho phép hệ thống này làm việc, trừ trường hợp trong quá trình phát hiện điểm chạm đất.

*** Ký hiệu và đánh số**

Ấc quy và các thiết bị kèm theo phải được ghi nhãn Tập 7 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

3.6. ĐƯỜNG DÂY DẪN ĐIỆN TRÊN KHÔNG (ĐDK)

*** Bảo trì ĐDK**

Trong quá trình vận hành phải tiến hành bảo dưỡng kỹ thuật nhằm đảm bảo cho ĐDK vận hành tin cậy

*** Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ**

Trong công tác bảo dưỡng ĐDK, phải tiến hành những công việc để ngăn ngừa các bộ phận kết cấu ĐDK bị hư hỏng trước thời hạn bằng cách thực hiện những việc kiểm tra và đo lường định kỳ, loại trừ các hư hỏng và bất thường.

Khi đại tu ĐDK phải tiến hành các biện pháp tổng thể nhằm phục hồi lại các đặc tính vận hành ban đầu của ĐDK nói chung hoặc các bộ phận của chúng nói riêng bằng cách sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng hoặc thay chúng bằng những loại có chất lượng và kinh tế hơn nhằm cải thiện các đặc tính vận hành của đường dây.

*** Điều kiện khí hậu**

Trong thỏa thuận về điều kiện kỹ thuật để thiết kế ĐDK, các chủ sở hữu phải nêu yêu cầu cho cơ quan thiết kế về các điều kiện riêng biệt trong vùng ĐDK đi qua (điều kiện khí hậu, độ nhiễm bẩn của môi trường và các yếu tố khác của địa phương) để cơ quan thiết kế phải lưu ý trong thiết kế ĐDK.

*** Bàn giao tài liệu**

Khi tiếp nhận ĐDK để đưa vào vận hành, chủ sở hữu phải nhận được của đơn vị thi công các tài liệu kỹ thuật phù hợp với quy định nghiệm thu các công trình lưới điện. Chủ sở hữu phải bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành các tài liệu trên.

*** Cảnh báo**

ĐDK đang thi công gần hoặc giao chéo ĐDK đang vận hành thì cơ quan vận hành phải theo dõi và cảnh báo để đảm bảo an toàn cho các đường dây đang vận hành.

*** Quản lý an toàn**

Trong quản lý vận hành ĐDK phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về việc bảo vệ an toàn các công trình lưới điện. Cơ quan quản lý lưới điện phải thông báo cho các tổ chức khác ở lân cận khu vực tuyến ĐDK đi qua về các quy định này. Cơ quan quản lý lưới điện phải có các biện pháp ngăn ngừa các cá nhân hoặc tổ chức khác tiến hành các công việc trong hành lang tuyến ĐDK, vi phạm các quy định về việc bảo vệ an toàn các công trình lưới điện.

*** Đền bù giải phóng**

Khi sửa chữa và bảo dưỡng đường dây ở các đoạn đi qua các khu vực trồng trọt (nông, lâm trường, ruộng, vườn...) đơn vị quản lý phải thỏa thuận với địa phương theo quy định hiện hành.

*** Hành lang ĐDK**

Tuyến đường dây phải định kỳ phát quang hành lang và phải giữ không để các vụ cháy xảy ra gần đó làm hư hỏng ĐDK. Các cây ngoài hành lang có khả năng gây sự cố đường dây phải được xử lý theo đúng quy định về việc bảo vệ an toàn các công trình lưới điện.

*** Phải bảo quản các biển báo và tín hiệu:**

a) Biển báo đặt trên bờ các khoảng ĐDK vượt sông có thuyền bè qua lại thường xuyên;

b) Tín hiệu ánh sáng và sơn báo hiệu đặt ở các cột cao.

c) Các biển báo, dấu hiệu đặt vĩnh viễn ở các cột của ĐDK.

*** Cũ ngang**

Cơ quan quản lý lưới điện phải theo dõi và đề nghị với cơ quan quản lý đường sắt đặt các cũ ngang ở các đoạn đường sắt đi gần hoặc giao chéo ĐDK có thể có các toa quá cỡ đi qua. Việc đặt và bảo quản các cũ ngang này do cơ quan quản lý đường sắt thực hiện.

*** Thiết bị dò tìm sự cố**

Để phát hiện từ xa các chỗ hư hỏng của ĐDK điện áp từ 110 kV trở lên phải có trang thiết bị cần thiết. Cơ quan quản lý lưới điện phải có trang thiết bị để phát hiện các điểm chạm đất trên các ĐDK 6-35 kV.

*** Đường dây giao chéo**

Trong vận hành, ở các khoảng cột ĐDK giao chéo với các ĐDK khác và các đường dây thông tin cho phép ở mỗi dây dẫn hoặc dây chống sét của ĐDK ở trên không được có quá 2 mối nối. Số mối nối ở các dây dẫn và dây chống sét của ĐDK chui ở dưới không hạn chế.

*** Tăng cường cách điện**

Trong trường hợp ô nhiễm nghiêm trọng, cách điện phải được tăng cường, hoặc dùng cách điện chống thấm ướt.

*** Kiểm tra ĐDK**

Kiểm tra và thử nghiệm đường dây trên không cần được thực hiện dựa trên các Quy chuẩn kỹ thuật Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện một cách thích hợp.

*** Xử lý hư hỏng**

Những hư hỏng, thiếu sót phát hiện khi kiểm tra ĐDK phải được ghi vào nhật ký hoặc hồ sơ, tùy theo mức độ hư hỏng phải tiến hành sửa chữa ngay hoặc sửa chữa trong kỳ bảo dưỡng ĐDK.

*** Bảo trì ĐDK**

Việc đại tu các thiết bị đường dây cần được thực hiện với phương pháp và thời hạn thích hợp, để duy trì độ tin cậy và vận hành tiết kiệm. Khoảng thời gian này cần được xác định bởi đơn vị vận hành dựa trên tình trạng và hư hỏng thực tế của thiết bị.

*** Kế hoạch bảo trì**

Bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ĐDK phải tiến hành đồng bộ với các công trình khác để hạn chế tới mức tối thiểu thời gian cắt điện.

*** Thay đổi kết cấu**

Việc thay đổi kết cấu cột cũng như các kết cấu khác của ĐDK phải có đầy đủ các tài liệu tính toán kỹ thuật và được người có thẩm quyền của cơ quan quản lý điện duyệt.

*** Phụ kiện thay thế**

Các cơ quan quản lý lưới điện phải được dự phòng một số phụ tùng phụ kiện thay thế theo quy định để có thể tiến hành sửa chữa kịp thời các hư hỏng trên ĐDK.

*** Phối hợp xử lý**

Khi các cơ quan quản lý vận hành khác nhau có các mạch mắc chung cột, việc lập kế hoạch sửa chữa các ĐDK phải có sự thỏa thuận với nhau. Việc sửa chữa ĐDK khi xảy ra sự cố phải được báo trước cho bên liên quan (chủ mạch ĐDK mắc chung trên cột).

3.7. ĐƯỜNG CÁP ĐIỆN LỰC

*** Quy định chung**

Khi vận hành các đường cáp điện lực phải tiến hành bảo dưỡng nhằm đảm bảo cho các đường cáp này làm việc tin cậy.

*** Phụ tải cáp**

Đối với mỗi đường cáp, khi mới đưa vào vận hành phải quy định dòng điện tải tối đa cho phép. Dòng điện tải được xác định theo những đoạn cáp chịu những điều kiện phát nhiệt xấu nhất nếu chiều dài của đoạn cáp này trên 10 mét. Được phép nâng dòng điện tải lên, với điều kiện sự tăng nhiệt của lõi cáp không vượt quá quy định trên cơ sở thử nghiệm. Sự tăng nhiệt này phải kiểm tra ở những đoạn cáp có điều kiện làm mát xấu nhất.

*** Nhiệt độ hầm cáp**

Nhiệt độ trong các hầm cáp hoặc mương cáp không được vượt quá 40°C vào mùa hè.

*** Quá tải cáp**

Các đường cáp có nạp dầu 110-500 kV cho phép vận hành quá tải đến khi nhiệt độ của lõi cáp đạt tới 80°C. Trong đó thời gian quá tải liên tục không được quá 100 giờ, tổng thời gian quá tải không quá 500 giờ trong 1 năm với khoảng cách về thời gian giữa 2 lần quá tải liên tiếp không dưới 10 ngày. Đối với các cáp 110 kV đặt hở ngoài trời, không hạn chế thời gian vận hành với nhiệt độ của lõi cáp là 80°C.

*** Áp suất dầu**

Đối với cáp nạp dầu, cần quy định mức giới hạn cho phép của áp suất dầu. Trong trường hợp khi áp suất dầu của cáp vượt quá dải cho phép thì phải cắt điện đường cáp và chỉ được phép đóng điện sau khi đã phát hiện và loại trừ nguyên nhân.

*** Hồ sơ tài liệu**

Khi tiếp nhận đường cáp đưa vào vận hành, ngoài các tài liệu kỹ thuật quy định, cơ quan xây lắp còn phải giao cho cơ quan quản lý các tài liệu sau:

a) Bản đồ tuyến cáp tỷ lệ 1/200 hoặc 1/500 (tùy thuộc vào sự phát triển các hệ thống giao thông liên lạc ở vùng tuyến đi qua);

b) Danh mục các công trình ngầm dưới đất trong đó chỉ rõ những điểm đường cáp giao chéo và đi gần các đường cáp ngầm khác (cáp thông tin, cáp lực) và các đường ống dẫn đặt ngầm dưới đất, công trình ngầm khác, các hộp nối cáp;

c) Biên bản về tình trạng của cáp trong cuộn cáp, nếu cần phải có cả biên bản kiểm tra mở cuộn cáp và chuyên chở cáp;

d) Bản vẽ cắt dọc tuyến cáp ở những điểm cáp giao chéo với đường giao thông và các đường cáp khác, đường ống khác đối với cáp điện áp từ 22 kV trở lên và đối với cáp 6-10 kV chỉ ở những đoạn tuyến phức tạp;

đ) Biên bản phân tích mẫu đất dọc tuyến theo đặc điểm của từng đoạn tuyến phức tạp.

*** Giám sát thi công**

Những đường cáp có điện áp bất kỳ khi xây dựng thì cơ quan quản lý vận hành phải theo dõi trong quá trình rải cáp và xây lắp đường cáp.

*** Bảo vệ kết cấu**

Các kết cấu bằng kim loại đỡ cáp phải được bảo vệ chống gỉ, chịu nhiệt.

*** Chế độ làm việc**

Tải của mỗi cáp cần được đo ít nhất là hàng năm, tại giờ cao điểm và giờ thấp điểm. Trên cơ sở các số liệu đo này phải chỉnh lý lại chế độ và sơ đồ làm việc của lưới.

*** Kiểm tra**

Kiểm tra và thử nghiệm cáp điện cần được thực hiện theo Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Chống ăn mòn điện hóa**

Ở những vùng có tuyến giao thông điện khí hóa hoặc vùng đất xâm thực, các đường cáp chỉ được đưa vào vận hành sau khi đã có các biện pháp xử lý chống ăn mòn cáp. Trong các vùng này, trên các đường cáp phải tiến hành đo các dòng điện tản, phải thành lập và hiệu chỉnh có hệ thống sơ đồ điện thế của lưới cáp (hoặc từng đoạn cáp riêng biệt) và bản đồ vùng đất xâm thực.

*** Bảo vệ tuyến cáp chống tác động cơ học**

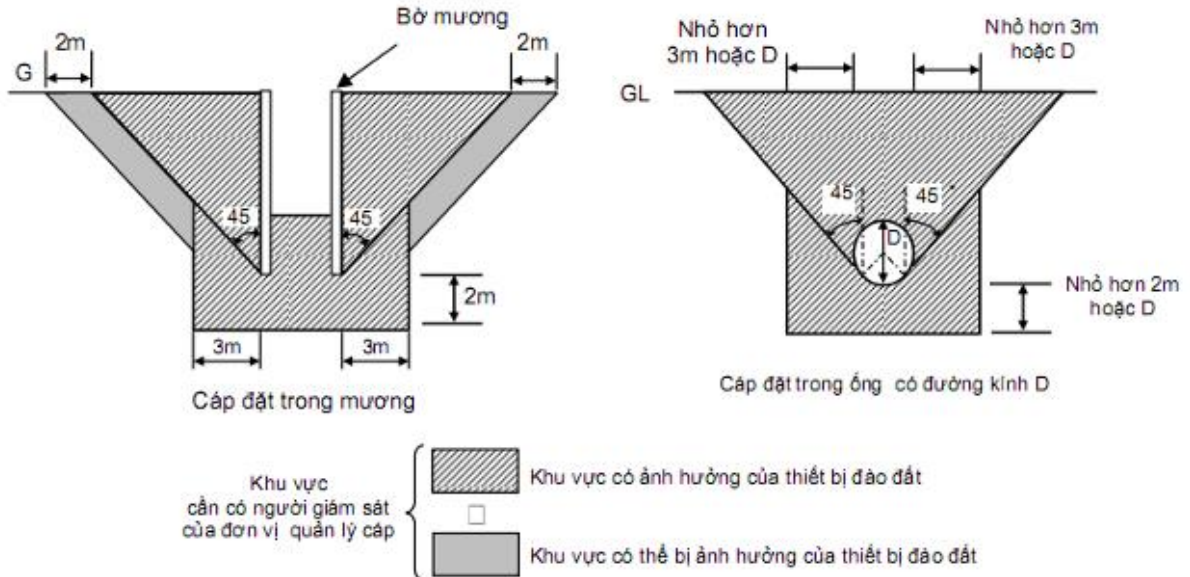
Việc đào bới hoặc động chạm tới đất trên tuyến đường cáp chỉ được tiến hành khi được phép của cơ quan quản lý đường cáp.

* Thi công gần tuyến cáp

Khi các đơn vị khác tiến hành công việc đào bới trong khu vực như trình bày ở Hình 6.87.1 cần có sự hiện diện của đơn vị quản lý cáp. Phương pháp bảo vệ như căng dây chắn hay ngăn đường cần được trao đổi giữa người tiến hành công việc đó và người thuộc đơn vị quản lý cáp.

Khi thi công công trình nền đường qua các tuyến cáp, việc bảo vệ mặt bằng không thể đảm bảo trong phạm vi 1m, thì phải có sự giám sát của đơn vị quản lý cáp. Ngoài ra, trong trường hợp lớp đất phủ mỏng hơn 0,7m, không được sử dụng máy có lưỡi đào bằng kim loại. Khi phải sử dụng máy đó cần phải thoả thuận với đơn vị quản lý cáp.

Khi khoan thăm dò hoặc phun hóa chất được trong phạm vi 1m từ tuyến cáp phải có sự giám sát của đơn vị quản lý cáp. Trong trường hợp phạm vi lớn hơn 1m, sự giám sát này tùy thuộc vào hiện trạng.



Hình 3.1: Khu vực đào bới cần giám sát của đơn vị quản lý cáp

*** Công bố thông tin**

Cơ quan quản lý lưới điện phải thường xuyên thông báo cho các cơ quan và nhân dân trong khu vực có đường cáp đi qua về thủ tục và quy trình tiến hành các công việc đào đất ở gần tuyến cáp.

*** An toàn lao động**

Trong quá trình kiểm tra các đường cáp và các công trình đặt cáp phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

3.8. BẢO VỆ ROLE VÀ TỰ ĐỘNG ĐIỆN (BRT)

Các thiết bị điện của các nhà máy điện và lưới điện phải được bảo vệ chống ngắn mạch và các hư hỏng trong chế độ vận hành bình thường bằng các trang bị bảo vệ rơ le, máy cắt hoặc cầu chảy và các trang bị tự động điện trong đó có tự động điều chỉnh và tự động chống sự cố.

*** Trách nhiệm quản lý vận hành**

Các nhà máy điện, công ty điện lực, đơn vị cung cấp điện và vận hành lưới điện chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống bảo vệ role, tự động điện, đo lường điện và mạch nhị thứ.

*** Yêu cầu BRT**

Trong vận hành phải bảo đảm các điều kiện để các trang bị bảo vệ role, đo lường và tự động điện, các mạch nhị thứ làm việc tin cậy theo các quy chuẩn kỹ thuật (nhiệt độ, độ ẩm, độ rung cho phép và độ sai lệch thông số so với định mức...).

*** Ký hiệu và đánh số**

Các role bảo vệ và trang thiết bị tự động cần gắn các bảng nhãn dễ nhận dạng bằng mắt. Trên bảng role điện và hệ thống tự động bảo vệ cũng như trên các bảng điều khiển và các sơ đồ nối, trên cả hai mặt (trước và sau) cần được ghi tên theo các quy định của trung tâm điều độ. Các trang thiết bị

được lắp đặt trên và trên bảng điều khiển hoặc ở mặt sau của bàn điều khiển phải được ký hiệu ở cả hai mặt tuân theo sơ đồ.

*** Kiểm tra hoạt động BRT**

Chủ sở hữu yêu cầu đơn vị có trách nhiệm kiểm tra sự chính xác của cầu chảy, át tô mát ở các mạch điều khiển, thử máy cắt điện và các máy khác, trao đổi tín hiệu bảo vệ cao tần, đo dòng điện không cân bằng của bảo vệ so lệch, thử trang bị tự động đóng lại (TĐ-L), TĐD, tự động ghi sóng và các trang thiết bị khác. Chu kỳ kiểm tra và thử trang thiết bị cũng như trình tự xử lý của nhân viên vận hành khi phát hiện sự sai lệch với Quy chuẩn, được quy định theo quy trình của cơ sở.

*** Kiểm tra hoạt động của BRT**

Các trang bị BRT và mạch nhị thức phải được định kỳ kiểm tra và hiệu chỉnh theo quy trình kỹ thuật. Sau mỗi lần tác động sai hoặc từ chối tác động các trang bị này phải được tiến hành kiểm tra bất thường (sau sự cố) theo quy trình đặc biệt.

*** Bảo vệ BRT**

Cuộn dây thứ cấp của máy biến dòng luôn phải khép mạch qua role, đồng hồ điện hoặc đấu tắt. Mạch nhị thức của máy biến dòng và biến điện áp phải có điểm nối đất.

*** Yêu cầu BRT đối với mạch dòng**

Các mạch dòng điện thao tác phải đảm bảo làm việc tin cậy của các trang bị bảo vệ (cầu chảy và áp tô mát). Áp tô mát, cầu chảy và dây chảy phải có ký hiệu (nhiệm vụ và dòng điện). Ở các bảng (các tủ) đặt trang bị BRT mà các nhân viên thao tác thực hiện chuyển mạch bằng khóa, còn phải ghi thêm vị trí tương ứng của khóa ứng với các chế độ làm việc. Thao tác các chuyển mạch trên phải ghi vào nhật ký vận hành.

3.9. TRANG BỊ NỐI ĐẤT

*** Quy định chung**

Các trang bị nối đất phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn cho người và các thiết bị trong mọi chế độ vận hành. Phải nối đất tất cả các bộ phận bằng kim loại của thiết bị điện và của các công trình điện có khả năng mang điện khi cách điện hư hỏng.

*** Nối đất hệ thống**

Mỗi phần tử của công trình cần nối đất phải nối với hệ thống nối đất hoặc trực tiếp nối đất chính bằng dây dẫn nối đất riêng biệt. Không cho phép nối đất một số phần tử của công trình theo kiểu đầu nối tiếp.

*** Nối đất các phần tử**

Đầu dây nối đất vào trang bị nối đất, cực nối đất phải hàn còn đầu vào các trang thiết bị điện cột của đường dây có thể hàn hoặc bắt chặt bằng bulông.

*** Bảo vệ và đánh số**

Các dây nối đất phải có biện pháp chống gỉ, các phần dây nối đất lộ thiên trong trạm và nhà máy phải sơn để đánh dấu phân biệt.

*** Nối đất hàn**

Chỉ cho phép đấu các máy hàn điện cũng như các trang thiết bị điện di động khác với các dây nối đất sẵn có bằng các dây di động có tiết diện đạt yêu cầu.

*** Kiểm tra thử nghiệm**

Việc kiểm tra và thử nghiệm các hệ thống ngầm cần được thực hiện dựa theo Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Phải tiến hành đo điện trở nối đất trong các trường hợp sau:**

a) Sau khi lắp ráp, xây dựng lại, sửa chữa lớn các công trình của các nhà máy điện, trạm biến áp và đường dây tải điện.

b) Khi bảo dưỡng các cột điện có treo dây chống sét của đường dây vì cách điện bị hỏng hoặc đánh thủng do hồ quang điện.

*** Nối đất khu vực có tính ăn mòn cao**

Đối với các trang bị nối đất của các công trình cũng như các cột điện thường xuyên bị hư hỏng do gỉ thì việc đào đất lên để kiểm tra phải làm ráo riết hơn theo quyết định của người chịu trách nhiệm.

3.10. BẢO VỆ CHỐNG QUÁ ĐIỆN ÁP

*** Quy định chung**

Không cho phép mắc dây của đường dây điện áp đến 1000 V vào bất kỳ các cột đèn pha, ống khói, tháp nước cũng như dẫn các đường dây này vào các gian nhà có nguy cơ cháy nổ. Các đường dây này phải được thực hiện bằng cáp có vỏ bọc kim loại hoặc bằng dây bọc bên trong ống kim loại chôn trong đất.

*** Kiểm tra hệ thống chống sét**

Các bộ chống sét cần được kiểm tra tuân theo những nội dung về kiểm tra được trình bày trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Vận hành trong chế độ sự cố**

Trong các lưới điện có điểm trung tính cách điện hoặc có bù dòng điện điện dung cho phép các đường dây và đường cáp làm việc tối đa tới 2 giờ, nhưng tốt nhất là cắt ngay, khi một pha chạm đất. Trong khi đó phải phát hiện và loại trừ được chỗ hư hỏng trong thời gian ngắn nhất.

*** Bù điện dung**

Bù dòng điện điện dung chạm đất bằng các thiết bị dập hồ quang, phải tiến hành thực hiện khi dòng điện điện dung vượt quá các trị số sau:

Điện áp danh định của lưới điện 6 10 15-20 35 và
lớn hơn {KV}.

Dòng điện điện dung chạm đất 30 20 15 10 {A}.

Ở các sơ đồ khối “Máy phát điện - máy biến áp” (tại điện áp máy phát) phải đặt thiết bị dập hồ quang khi dòng điện điện dung chạm đất lớn hơn 5A. Trong lưới 6 ÷ 35 kV với các đường dây có cột thép và bê tông cốt thép phải đặt thiết bị dập hồ quang khi dòng điện điện dung chạm đất lớn hơn 10A. Để bù dòng điện điện dung chạm đất trong lưới điện phải sử dụng cuộn kháng dập hồ quang nối đất (cuộn dập hồ quang) điều chỉnh tự động hoặc bằng tay. Trong sơ đồ khối “Máy phát điện - máy biến áp” cho phép dùng cuộn kháng dập hồ quang không điều chỉnh.

Do các dòng điện điện dung, dòng điện cuộn kháng dập hồ quang, dòng điện chạm đất và điện áp lệch ở điểm trung tính phải tiến hành khi đưa cuộn kháng dập hồ quang vào vận hành và khi có sự thay đổi đáng kể về chế độ lưới điện, nhưng ít nhất 5 năm một lần.

*** Cuộn kháng dập hồ quang**

Công suất của cuộn kháng dập hồ quang phải lựa chọn theo dòng điện điện dung của lưới có tính đến dự kiến phát triển. Các cuộn kháng dập hồ quang nối đất phải đặt trong trạm biến áp nối với lưới bù không ít hơn ba đường dây. Không được đặt các cuộn kháng dập hồ quang ở các trạm cắt.

Cuộn kháng dập hồ quang phải đấu vào điểm trung tính của máy biến áp, máy phát điện hoặc máy bù đồng bộ qua dao cách ly. Để đấu cuộn kháng dập hồ quang, thông thường phải sử dụng máy biến áp có sơ đồ đấu dây “sao - tam giác”. Cắm đầu các cuộn kháng dập hồ quang vào các máy biến áp lực được bảo vệ bằng cầu chảy.

*** Bộ điều chỉnh cuộn kháng**

Các thiết bị dập hồ quang phải có bộ chỉnh cộng hưởng. Cho phép dùng bộ chỉnh có mức chỉnh sai số tới 5% khi thành phần phản kháng của dòng điện chạm đất không vượt quá 5A.

Nếu trong lưới 6-15 kV có đặt các thiết bị dập hồ quang có mức chênh lệch lớn về dòng điện ở các nhánh khác nhau thì cho phép bộ chỉnh cộng hưởng có thành phần phản kháng của dòng điện chạm đất tới 10A. Trong các lưới điện 35 kV trở lên khi dòng điện dung chạm đất nhỏ hơn 15A, cho phép mức sai số của bộ chỉnh không quá 10%.

Cho phép sử dụng bộ chỉnh không đạt mức bù ở lưới đường dây và cáp nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào, điện dung không cân bằng phát sinh ở các pha trong lưới (ví dụ khi xảy ra đứt dây) không dẫn tới sự thay đổi điện áp của điểm trung tính vượt quá 7% điện áp pha.

*** Độ lệch điện áp**

Trong các lưới điện, vận hành có đặt bù dòng điện điện dung, khi không chạm đất, điện áp không đối xứng không được vượt quá 0,75% điện áp pha. Trong khi lưới điện bị chạm đất, cho phép độ lệch điện áp ở điểm trung tính không vượt quá trị số sau đây:

Lâu dài 15% điện áp pha

Trong 1 giờ 30% - nt -

Hạ thấp mức chênh lệch điện áp và độ lệch điện áp của điểm trung tính tới trị số quy định phải thực hiện bằng cách làm cân bằng điện dung của các pha với đất trong lưới điện (thay đổi vị trí tương hỗ giữa các dây dẫn pha, cũng như bố trí tụ điện liên lạc cao tần giữa các pha trên đường dây).

Các tụ điện liên lạc cao tần và các tụ điện bảo vệ chống sét cho các máy điện quay khi đấu vào lưới phải kiểm tra mức độ không cân bằng điện

dung cho phép của các pha nối với đất. Không cho phép đóng cắt từng pha của đường dây và đường cáp để có thể gây ra độ thay đổi điện áp ở điểm trung tính vượt quá trị số cho phép.

*** Kháng điện điều chỉnh bằng tay**

Khi sử dụng cuộn kháng dập hồ quang có điều chỉnh dòng điện bằng tay thì việc xác định mức điều chỉnh phải thực hiện bằng thiết bị đo bù cộng hưởng. Nếu không có thiết bị này việc chọn mức điều chỉnh phải dựa trên kết quả đo dòng điện chạm đất, dòng điện dung, dòng điện bù có tính đến điện áp lệch của điểm trung tính.

*** Thao tác đóng cắt**

Trong các trạm biến áp 110-220 kV, để ngăn ngừa xảy ra quá điện áp do sự tự phát sinh lệch trung tính hoặc trong quá trình phát sinh cộng hưởng sắt từ nguy hiểm, thì việc thao tác phải bắt đầu từ nối đất điểm trung tính của máy biến áp mà những máy biến áp này được đóng vào hệ thống thanh cái không mang tải có đặt máy biến điện áp 110 kV và 220 kV kiểu cảm ứng.

Trước khi cắt ra khỏi lưới, các hệ thống thanh cái không tải có đặt các máy biến điện áp loại trên thì điểm trung tính của máy biến áp cấp điện phải được nối đất. Ở lưới điện và ở những điểm đấu nối 6 - 35 kV trong trường hợp cần thiết phải có những biện pháp tránh được sự tự phát sinh độ lệch điểm trung tính.

*** Bảo vệ xông điện áp**

Máy biến áp phải có biện pháp để ngăn ngừa sự cố liên quan đến hai cấp điện áp khác nhau.

* Tiếp địa làm việc

Trong các lưới điện 110 kV và lớn hơn, việc cắt tiếp địa trung tính của các cuộn dây 110 - 220 kV của các máy biến áp, cũng như việc lựa chọn tác động của bảo vệ và hệ thống tự động, phải thực hiện sao cho khi có những thao tác khác nhau và ngắt tự động thì không tách phần lưới không có máy biến áp có tiếp địa trung tính. Bảo vệ chống quá điện áp cho các điểm trung tính của máy biến áp có mức cách điện thấp hơn các sứ đầu vào của máy biến áp phải thực hiện bằng chống sét van.

* Quá điện áp

Trong lưới điện 110 kV trở lên, khi thao tác đóng cắt điện và khi có sự cố, điện áp tần số công nghiệp (50 Hz) tăng cao tại thiết bị phụ thuộc vào thời gian không được vượt quá các giới hạn sau:

Bảng 4.1: Bảng giá trị điện áp

Điện áp danh định	Thiết bị	Điện áp tăng cao cho phép với thời gian kéo dài (sec)			
		1200	20	1	0,1
110 tới 500	Máy biến áp lực và biến áp tự ngẫu	1,10/1,10	1,25/1,25	1,9/1,5	2,0/1,5
	Điện kháng kiểu sun và máy biến điện áp điện từ	1,15/1,15	1,35/1,35	2,0/1,6	2,10/1,65
	Trang bị chuyển mạch, máy biến điện áp kiểu điện dung. Máy biến dòng điện, tụ điện	1,15/1,15	1,60/1,60	2,20/1,70	2,40/1,80

Các trị số ghi trong bảng trên đây, tử số dùng cho cách điện pha đất tính theo phần trăm của điện áp pha làm việc lớn nhất, còn mẫu số là cho cách điện pha - pha tính theo phần trăm của điện áp dây làm việc lớn nhất (đối với các thiết bị điện dùng điện 3 pha). Điện áp làm việc lớn nhất xác định theo các quy định hiện hành.

3.11. TRANG BỊ ĐO LƯỜNG ĐIỆN

*** Trách nhiệm quản lý**

Các chủ sở hữu (nhà máy điện, công ty điện lực) chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các trang bị và hệ thống đo lường điện. Việc quản lý và hiệu chỉnh do các nhà máy và công ty phân cấp cho từng cơ sở.

*** Kiểm tra định kỳ**

Thời hạn kiểm tra các trang bị đo lường điện thực hiện theo quy định hiện hành.

*** Đóng điện làm việc**

Tất cả các trang bị đo lường điện chỉ được đặt và đưa vào vận hành với điều kiện đáp ứng được các yêu cầu về theo quy định và hướng dẫn của nhà máy chế tạo, theo quy chuẩn hiện hành.

*** Kiểm tra**

Tổ chức, phương pháp tiến hành và báo cáo khi kiểm tra các trang bị đo lường điện phải theo đúng quy định hiện hành.

*** Lắp đặt mạch bảo vệ**

Các trang bị đo lường điện cho các máy biến áp liên lạc và đường dây tải điện có điện áp từ 220 kV trở lên đặt ở các nhà máy điện và trạm biến áp có người trực nhật thường xuyên phải được đặt riêng biệt cho từng mạch đấu nối một. Không cho phép đặt chung 1 trang bị để đo kết hợp cho nhiều mạch nối. Đối với các mạch đo khác cho phép đặt các trang bị đo lường kết hợp hoặc của các trang bị kiểm tra trung tâm.

*** Nguyên tắc lắp đặt**

Nên đặt trang bị đo đếm điện năng tự dùng cho các phần tử làm việc và dự phòng trong các nhà máy điện. Ngoài ra, ở các nhà máy nhiệt điện nên

đặt trang bị đo đếm điện năng cho các động cơ điện chính trong dây chuyền sản xuất của mỗi lò và tua bin để có thể xác định được điện năng tiêu thụ cho từng phân đoạn dây chuyền công nghệ.

*** Công suất lắp đặt**

Ở các trạm biến áp của hệ thống điện phải tính được điện năng tiêu thụ riêng biệt cho nhu cầu tự dùng của trạm. Phải đặt trang bị đo đếm điện năng tác dụng tại các lộ đầu vào lưới ở các trạm biến áp có điện từ 35 kV trở lên để thực hiện tính toán cân bằng năng lượng với mục đích quản lý tổn thất của các phần tử trong lưới điện.

3.12. CHIẾU SÁNG

*** Quy định chung**

Chiếu sáng làm việc và chiếu sáng sự cố trong tất cả các nhà, chỗ làm việc, ở ngoài trời phải đảm bảo độ rọi phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các đèn chiếu sáng sự cố phải đánh dấu hoặc sơn màu phân biệt với các đèn chiếu sáng làm việc. Chiếu sáng tín hiệu cho các ống khói và công trình cao khác phải phù hợp với các Quy chuẩn hiện hành.

3.13. TRẠM ĐIỆN PHÂN

Các thiết bị và việc vận hành các trạm điện phân phải đáp ứng được yêu cầu về quy chuẩn an toàn hiện hành của Nhà nước đã ban hành.

*** Kiểm tra**

Khi trạm điện phân được đưa vào vận hành, phải kiểm tra tình trạng thiết bị như điện áp, dòng điện của thiết bị điện phân, áp lực khí hydrô và ôxy và mức chất lỏng trong dụng cụ, chênh áp giữa hệ thống hydrô và ôxy, nhiệt độ của chất điện phân và không khí trong thiết bị sấy, độ sạch của khí hydrô và ôxy trong dụng cụ và nồng độ hydrô trong trạm. Giá trị bình thường và giới hạn của giá trị kiểm tra phải được xác định theo chỉ dẫn thí nghiệm

của nhà chế tạo, ngoài ra, các giá trị đó phải được theo dõi chặt chẽ trong quá trình vận hành.

*** Bảo vệ trạm**

Các thiết bị bảo vệ công nghệ của trạm điện phân phải tác động để cắt mô-tơ - máy phát được đặt khi sự khác nhau giữa giá trị thực tế và giá trị thiết kế vượt quá giá trị được cài đặt.

Khi trạm điện phân tự động cắt, bảng điều khiển phải hiển thị tín hiệu báo động. Khi nhận được báo động, người vận hành phải có mặt tại trạm điện phân không muộn quá 15 phút. Sau khi thiết bị bảo vệ công nghệ tác động, người vận hành không được khởi động lại trừ khi đã tìm và xử lý các nguyên nhân gây sự cố.

*** Van an toàn**

Các van an toàn trong các thiết bị áp lực của khí hydro và oxy ở thiết bị điện phân phải được chuẩn độ tại giá trị thiết kế.

*** Thông gió**

Trước khi đưa thiết bị điện phân vào làm việc, tất cả các dụng cụ và các đường ống gió phải được thông thổi bằng khí như quy định của nhà chế tạo và an toàn.

*** Triệt nạp khí**

Để lấy không khí hay hydro từ các bình, phải sử dụng loại khí (Carbon hoặc Nitơ) do nhà chế tạo quy định. Khi kiểm tra bên trong bình, chúng phải được hút ra bằng không khí trước cho tới khi hàm lượng oxy trong không khí hút ra đạt xấp xỉ 20%.

*** Đánh dấu, ký hiệu**

Các đường ống dẫn của trạm điện phân phải được sơn màu quy định phù hợp với quy chuẩn Nhà nước đã ban hành, sơn màu các trang thiết bị -

theo màu của khí tương ứng. Sơn màu các bình chứa - màu sáng có các vòng bao quanh cùng màu tương ứng với khí chứa trong đó.

3.14. DẦU NĂNG LƯỢNG

*** Hệ thống chứa dầu**

Dầu dùng trong công nghiệp năng lượng gọi tắt là dầu năng lượng. Trong quá trình sử dụng phải đảm bảo: hệ thống dầu của các tổ máy và thiết bị có chứa dầu làm việc được ổn định.

*** Kiểm tra dầu**

Dầu cách điện cần được kiểm tra tuân theo những nội dung về kiểm tra được mô tả cho từng trang thiết bị trong Tập 5 Quy chuẩn kỹ thuật điện.

*** Xử lý dầu**

Khi kiểm tra và xử lý dầu cách điện như mô tả trong QTĐ 5, nếu hàm lượng axit có xu hướng tăng, thì các chất hấp thụ sẽ được thay thế, làm khô hoặc tái sinh.

*** Dầu tua bin thủy lực đang sử dụng phải đạt các Quy chuẩn:**

- Hàm lượng axit: không quá 0,6 mg KOH
- Phản ứng axit - bazơ tan trong nước - trung tính.
- Nước, tro, tạp chất cơ khí - không có (xác định bằng mắt thường).

3.15. CHỈ HUY ĐIỀU ĐỘ - THAO TÁC

Trung tâm điều độ quốc gia, trung tâm điều độ miền và địa phương và tất cả các đơn vị vận hành trang thiết bị điện như các trạm biến áp, đường dây truyền tải, nhà máy điện, v.v..., sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo các vấn đề sau theo quy định hiện hành:

- Đảm bảo cung cấp điện đầy đủ;

- Đảm bảo cung cấp năng lượng liên tục cho khách hàng và đảm bảo hoạt động ổn định của toàn hệ thống;

- Đảm bảo chất lượng năng lượng theo các tiêu chuẩn quy định (tần số, điện áp của dòng điện).

- Đảm bảo cho hệ thống điện và các hệ thống năng lượng làm việc kinh tế, sử dụng hợp lý nguyên, nhiên liệu theo các biểu đồ phụ tải đã định.

*** Phương tiện điều độ**

Chỉ huy điều độ được thực hiện từ các trung tâm điều độ. Trung tâm điều độ phải được trang bị các phương tiện cần thiết để chỉ huy công việc điều độ, phù hợp với các quy chuẩn hiện hành.

*** Kế hoạch đại tu sửa chữa**

Kế hoạch tổng thể hàng năm về đại tu và sửa chữa các nhà máy điện và lưới điện cần được đệ trình lên Trung tâm Điều độ quốc gia. Trường hợp kế hoạch tổng thể về đại tu và sửa chữa có thay đổi phải được sự phê chuẩn của Trung tâm Điều độ quốc gia.

*** Sơ đồ nối dây**

Giới hạn phụ tải cho phép đối với các thiết bị điện và đường dây dẫn điện phải do phòng điều độ của hệ thống năng lượng, của hệ thống năng lượng liên kết (HNL) hoặc của hệ thống năng lượng thống nhất (HNT), phối hợp với các công ty điện lực và các nhà máy điện lập ra theo phương thức vận hành và trị số chính định role và tự động, phải được xem lại ít nhất một lần trong một năm.

*** Lập biểu đồ phụ tải**

Biểu đồ phụ tải các nhà máy thủy điện phải tính đến yêu cầu của các ngành kinh tế quốc dân khác (giao thông đường thủy, thủy lợi, hải sản, cung cấp nước...) phù hợp với quy định về sử dụng các nguồn nước hiện hành.

*** Vận hành theo biểu đồ**

Các nhà máy điện phải hoàn thành các biểu đồ phụ tải và dự phòng nóng đã giao. Nếu vì một lý do nào đó không thực hiện được biểu đồ phụ tải thì nhân viên trực nhật phải báo cáo ngay cho điều độ hệ thống năng lượng.

Điều độ viên hệ thống năng lượng có quyền trong trường hợp cần thiết, thay đổi biểu đồ phụ tải của nhà máy điện nhưng phải giữ nguyên biểu đồ phụ tải tổng của toàn hệ thống do trung tâm điều độ HNL lập. Việc thay đổi biểu đồ phụ tải tổng phải được điều độ viên HNL cho phép. Chỉ có điều độ viên trung tâm HNT có quyền cho phép thay đổi biểu đồ truyền công suất giữa các hệ thống năng lượng liên kết (HNL).

Điều độ viên có quyền yêu cầu nhà máy điện tăng cường công suất hết mức hoặc giảm đến mức thấp nhất theo điều kiện kỹ thuật của thiết bị.

*** Điều chỉnh tần số**

Tần số điện trong hệ thống điện phải luôn luôn duy trì theo quy định hiện hành.

*** Điều chỉnh điện áp**

Điện áp của hệ thống điện phải luôn được duy trì ở mức độ bình thường tương ứng với biểu đồ điện áp cho trước.

*** Ngừng hệ thống rơ le bảo vệ**

Muốn đưa các thiết bị cũng như hệ thống rơ le bảo vệ và tự động, các phương tiện điều độ và điều khiển công nghệ (PĐĐC) ra khỏi vận hành và dự phòng để sửa chữa hay thí nghiệm, trong bất kỳ trường hợp nào (năm trong hoặc năm ngoài kế hoạch), yêu cầu phải làm văn bản và được trung tâm điều độ phê duyệt.

*** Sửa chữa ngoài kế hoạch**

Trường hợp đặc biệt khi có yêu cầu sửa chữa thiết bị không theo kế hoạch hoặc xử lý sự cố, các yêu cầu này phải được đệ trình và được phê duyệt của Trung tâm Điều độ.

*** Thời gian thao tác**

Thời gian thực hiện các thao tác liên quan đến việc lắp đặt các thiết bị hoặc đưa dây chuyên vào hoạt động, thời gian cho việc đốt lò hơi hoặc khởi động tua bin cần được tính toán đạt thời gian cho phép theo yêu cầu của Trung tâm Điều độ. Trường hợp thời gian này cần thay đổi, phải có sự phê duyệt của Trung tâm Điều độ.

*** Dừng vận hành**

Mặc dù các yêu cầu đã được chấp thuận, nhưng lúc đưa thiết bị ra khỏi vận hành và dự phòng để sửa chữa hay thí nghiệm đều phải được điều độ viên trực nhật của Trung tâm Điều độ cho phép ngay trước lúc tiến hành.

Quy trình xử lý sự cố

Ở mỗi trung tâm điều độ và mỗi thiết bị năng lượng có nhân viên trực phải có quy trình cụ thể về xử lý sự cố. Khi xuất hiện sự cố, các Trung tâm Điều độ và nhân viên vận hành liên quan phải áp dụng mọi biện pháp để hạn chế sự lan rộng sự cố và khôi phục cung cấp điện cho khách hàng trong thời gian ngắn nhất.

3.16. THAO TÁC ĐÓNG CẮT CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN

Tại các phòng điều khiển của các nhà máy điện và các trạm biến áp không phụ thuộc vào dạng điều khiển và tại các trung tâm điều độ phải có sơ đồ nổi (sơ đồ nối dây) của các thiết bị điện đặt ở nơi chỉ huy của nhân viên điều độ nhà máy điện, trạm biến áp và Trung tâm Điều độ đó. Tất cả các

thay đổi trong sơ đồ nối dây cũng như các thay đổi vị trí nối đất cần phải được chỉ rõ trên sơ đồ nối ngay sau khi tiến hành thao tác.

Tại trung tâm Điều độ và các trạm biến áp nút có đặt sơ đồ nối của hệ thống điện được điều khiển từ đó thì không nhất thiết cần phải có sơ đồ thao tác riêng từng thiết bị đó.

KẾT LUẬN

Sau 12 tuần thực hiện đề tài “ **Tìm hiểu về nhà máy nhiệt điện, đi sâu tìm hiểu quy trình vận hành an toàn các thiết bị điện**” do cô giáo Thạc Sĩ Đỗ Thị Hồng Lý hướng dẫn. Cùng với sự nỗ lực của bản thân đến nay em đã hoàn thành xong đề án tốt nghiệp. Trong đề án này em đã tìm hiểu được các vấn đề như: lưới điện của Việt Nam, các thiết bị điện chính trong nhà máy nhiệt điện và quy trình vận hành an toàn thiết bị điện trong nhà máy. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu đề tài không có nhiều, trình độ chuyên môn còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong các thầy cô cùng các bạn đóng góp ý kiến để bản đề án được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Khái (2006), *Nhà máy điện và trạm biến áp*, Nhà xuất bản khoa học & kỹ thuật.
2. Quyên Huy Ánh (2007), *An toàn điện*, Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Công Hân (2002), *Nhà máy nhiệt điện - tập 1*, Nhà xuất bản khoa học & kỹ thuật.
4. Thân Ngọc Hoàn (2005), *Máy điện*, Nhà xuất bản xây dựng.
5. Bùi Đình Tiếu (2004), *Giáo trình truyền động điện*, Nhà xuất bản giáo dục.
6. Trịnh Hùng Thám (2007), *Vận hành nhà máy điện*, Nhà xuất bản khoa học & kỹ thuật.
7. *Quy trình vận hành thiết bị nhiên liệu* (2009), lưu hành nội bộ.
8. *Quy trình xử lý sự cố thiết bị nhiên liệu* (2009), lưu hành nội bộ.